

Số: 17293 /SXD-QLN

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 9 năm 2026

V/v liên quan đến điều kiện đưa vào
kinh doanh của nhà ở hình thành trong
tương lai tại dự án Khu đô thị ven sông
Hòa Quý – Đồng Nò (Tòa chung cư tại
lô đất A3-3, A3-4, A3-5 và A3-10)

Kính gửi: Công ty Cổ phần Địa Cầu

Sở Xây dựng nhận được Công văn số 153/2026/CV/DCC ngày 20/7/2026 và Công văn số 175/2026/CV/DCC ngày 12/9/2026 của Công ty Cổ phần Địa Cầu V/v đề nghị thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán tại lô đất A3-3, A3-4, A3-5 và A3-10 thuộc dự án Khu đô thị ven sông Hòa Quý – Đồng Nò (đợt 1).

Sở Xây dựng đã có Công văn số 13346/SXD-QLN ngày 21/7/2026 và Công văn số 17171/SXD-QLN ngày 18/9/2026 đề nghị các cơ quan, đơn vị liên quan có ý kiến. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan (Công văn số 6954/DAN-CNTK ngày 29/7/2026 của Thuế thành phố Đà Nẵng; Công văn số 5745/VPĐK-KTĐC ngày 28/7/2026 của Văn phòng đăng ký đất đai; Công văn số 11077/SNNMT-QLĐĐ ngày 10/8/2026 và Công văn số 13223/SNNMT-KTĐ ngày 10/9/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường; Công văn số 4072/UBND-KTHTĐT ngày 03/8/2026 của UBND phường Ngũ Hành Sơn). Sở Xây dựng có ý kiến như sau:

I. THÔNG TIN DỰ ÁN

1. Tên công trình, dự án: Tòa căn hộ chung cư tại lô đất A3-3, A3-4, A3-5 và A3-10 thuộc dự án Khu đô thị ven sông Hòa Quý – Đồng Nò.

2. Địa chỉ: phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

3. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Địa Cầu.

4. Diện tích sử dụng đất: Tòa chung cư A3-3: Diện tích khu đất 3.150m²; Tòa chung cư A3-4: Diện tích khu đất 4.173m²; Tòa chung cư A3-5: Diện tích khu đất 4.173m²; Tòa chung cư A3-10: Diện tích khu đất 3.910m².

5. Quy mô công trình:

- Tòa chung cư A3-3: Diện tích khu đất 3.150m². tổng diện tích sàn xây dựng: 45.797.1m². Công trình có quy mô 02 tầng hầm + 20 tầng nổi + tum thang. chiều cao 77.95m.

- Tòa chung cư A3-4: Diện tích khu đất 4.173m². tổng diện tích sàn xây dựng: 58.670.3m². Công trình có quy mô 02 tầng hầm + 20 tầng nổi + tum thang. chiều cao 77.95m.

- Tòa chung cư A3-5: Diện tích khu đất 4.173m². tổng diện tích sàn xây dựng: 57.917.9m². Công trình có quy mô 02 tầng hầm + 20 tầng nổi + tum thang. chiều cao 77.95m.

- Tòa chung cư A3-10: Diện tích khu đất 3.910m². tổng diện tích sàn xây dựng: 55.458.4m². Công trình có quy mô 02 tầng hầm + 20 tầng nổi + tum thang. chiều cao 77.95m.

II. PHÁP LÝ CỦA DỰ ÁN

1. Thông tin pháp lý về hồ sơ thủ tục đầu tư của dự án

- Quyết định chủ trương đầu tư số 7014/QĐ-UBND ngày 15/10/2016 của UBND thành phố; Quyết định số 1909/QĐ-UBND ngày 11/5/2018 của UBND thành phố Đà Nẵng điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư số 7014/QĐ-UBND ngày 15/10/2016; Quyết định số 2755/QĐ-UBND ngày 24/6/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án Khu đô thị ven sông Hòa Quý – Đồng Nò.

- Quyết định số 148/QĐ/2026-DCC ngày 15/7/2026 của Công ty Cổ phần Địa Cầu về việc phê duyệt dự án thành phần 3 của Dự án Khu đô thị ven sông Hòa Quý – Đồng Nò.

2. Thông tin pháp lý về hồ sơ quy hoạch, thiết kế, xây dựng của dự án

- Quyết định số 2451/QĐ-UBND ngày 07/11/2023 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu Ven sông Hàn và bờ Đông TL 1/2000.

- Quyết định số 5563/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết TL 1/500 khu đô thị ven sông Hòa Quý – Đồng Nò (Khu đô thị biệt thự sinh thái, công viên văn hóa làng quê và quần thể du lịch sông nước cũ - điều chỉnh lần thứ 5).

- Quyết định số 3689/QĐ-UBND ngày 17/8/2019 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc đề nghị phê duyệt Thiết kế đô thị và Quy định quản lý kiến trúc xây dựng khu đô thị ven sông Hòa Quý – Đồng Nò (Khu vực đối diện chùa Quán Thế Âm).

- Thông báo số 12666/SXD-CPXD ngày 11/7/2026 của Sở Xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án thành phần 3 của Dự án Khu đô thị ven sông Hòa Quý – Đồng Nò.

- Công trình thuộc trường hợp miễn cấp phép xây dựng theo quy định tại Luật số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025.

- Quyết định số 150/2026/QĐ/DCC ngày 17/7/2026 của Công ty Cổ phần Địa Cầu về việc Phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt Dự án thành phần 3 của Dự án Khu đô thị ven sông Hòa Quý – Đồng Nò.

3. Thông tin về đất đai của dự án

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu và tài sản gắn liền với đất số CO 001524 (Số vào sổ cấp GCN: CT 49613) do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09/8/2018 (Lô đất A3-3).

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu và tài sản gắn liền với đất số CO 001525 (Số vào sổ cấp GCN: CT 49614) do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09/8/2018 (Lô đất A3-4).

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu và tài sản gắn liền với đất số CO 001526 (Số vào sổ cấp GCN: CT 49615) do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 9/8/2018 (Lô đất A3-5).

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu và tài sản gắn liền với đất số CP 912579 (Số vào sổ cấp GCN: CT 55614) do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 12/6/2019 (Lô đất A3-10).

4. Thông tin về tình trạng thế chấp

Theo Công văn số 175/2026/CV/DCC ngày 12/9/2026 của Công ty Cổ phần Địa Cầu:

- Chủ đầu tư đã thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu và tài sản gắn liền với đất số CO 001524 (Số vào sổ cấp GCN: CT 49613) (Lô đất A3-3); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu và tài sản gắn liền với đất số CO 001525 (Số vào sổ cấp GCN: CT 49614) (Lô đất A3-4); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu và tài sản gắn liền với đất số CO 001526 (Số vào sổ cấp GCN: CT 49615) do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 9/8/2018 (Lô đất A3-5); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu và tài sản gắn liền với đất số CP 912579 (Số vào sổ cấp GCN: CT 55614) (Lô đất A3-10) tại Ngân hàng TMCP Quốc dân – Chi nhánh Đà Nẵng.

- Chủ đầu tư đã thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu và tài sản gắn liền với đất số CO 001526 (Số vào sổ cấp GCN: CT 49615) do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 9/8/2018 (Lô đất A3-5) tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Đà Nẵng.

5. Thông tin khác của dự án

- Công văn số 629/TC-QC ngày 21/10/2025 của Cục tác chiến về việc chấp thuận độ cao tỉnh không xây dựng công trình.

- Công số 518/TĐ-PCCC ngày 23/07/2026 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an thành phố Đà Nẵng về việc thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy Tòa nhà chung cư tại lô đất ký hiệu A3-3, A3-4, A3-5 và A3-10 thuộc dự án Khu đô thị ven sông Hòa Quý – Đồng Nò.

- Quyết định số 3186/QĐ-XPHC ngày 02/7/2026 của Chủ tịch UBND phường Ngũ Hành Sơn về việc xử phạt vi phạm hành chính; Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ký hiệu 95001 ngày 03/7/2026.

- Thông báo số 151/TB-GĐ-APC ngày 18/7/2026 của Công ty Cổ phần Địa Cầu về việc thông báo khởi công công trình Tòa nhà chung cư tại lô đất A3-3, A3-4, A3-5 và A3-10 thuộc dự án Khu đô thị ven sông Hòa Quý – Đồng Nò, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành bộ phận công trình. giai đoạn thi công xây dựng hạng mục Thi công kết cấu móng hầm công trình cao tầng Tòa A3-3, A3-4, A3-5 và A3-10 thuộc dự án thành phần 3 của dự án Khu đô thị ven sông Hòa Quý – Đồng Nò giữa đại diện chủ đầu tư, tư vấn giám sát và nhà thầu thi công.

- Thông báo nộp tiền số 10036/TB-DAN ngày 18/9/2026 của Thuế thành phố Đà Nẵng về tiền sử dụng đất phải nộp do điều chỉnh quy hoạch chi tiết đối với Khu 3-3 dự án Khu đô thị ven sông Hòa Quý – Đồng Nò, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng

III. THÔNG TIN VỀ NHÀ Ở HÌNH THÀNH TRONG TƯƠNG LAI ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC BÁN

Số lượng: 2.394 căn với tổng diện tích sàn nhà ở: 136.196.6 m², cụ thể:

- Tòa chung cư A3-3: 509 căn với tổng diện tích sàn nhà ở: 28.445.2 m²; mã công trình: 4826121667401; số thứ tự từ 01 đến 509 theo Phụ lục đính kèm.

- Tòa chung cư A3-4: 639 căn với tổng diện tích sàn nhà ở: 36.927.4 m²; mã công trình: 4826122541501; số thứ tự từ 510 đến 1148 theo Phụ lục đính kèm.

- Tòa chung cư A3-10: 607 căn với tổng diện tích sàn nhà ở: 34.633.2 m²; mã công trình: 4826128116201; số thứ tự từ 1149 đến 1755 theo Phụ lục đính kèm.

- Tòa chung cư A3-5: 639 căn với tổng diện tích sàn nhà ở: 36.190.8 m²; mã công trình: 4826129322001; số thứ tự từ 1756 đến 2394 theo Phụ lục đính kèm.

IV. ĐIỀU KIỆN CỦA NHÀ Ở HÌNH THÀNH TRONG TƯƠNG LAI TẠI DỰ ÁN ĐÃ ĐÁP ỨNG ĐỂ ĐƯỢC BÁN

Theo hồ sơ do chủ đầu tư cung cấp và ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan. 2.394 căn hộ chung cư hình thành trong tương lai tại lô đất A3-3, A3-4, A3-5 và A3-10 thuộc dự án Khu đô thị ven sông Hòa Quý – Đồng Nò đủ điều kiện được bán theo quy định tại Điều 24 Luật Kinh doanh bất động sản 2023.

Chủ đầu tư thực hiện trách nhiệm, yêu cầu theo mục V của văn bản này. Các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm về nội dung có ý kiến theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Công văn số 13346/SXD-QLN ngày 21/7/2026.

V. TRÁCH NHIỆM, YÊU CẦU ĐỐI VỚI CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN

- Chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, trung thực đối với các thông tin về dự án, chủ đầu tư, nhà ở hình thành trong tương lai tại dự án gửi kèm các Văn bản: Công văn số 153/2026/CV/DCC ngày 20/7/2026 và Công văn số 175/2026/CV/DCC ngày 12/9/2026.

- Chịu trách nhiệm về bảo đảm nhà ở hình thành trong tương lai tại dự án đã đáp ứng đủ điều kiện được bán theo quy định tại Điều 24 Luật Kinh doanh bất động sản.

- Chủ đầu tư không được phép bán nhà ở tại dự án cho tổ chức, cá nhân nước ngoài.

- Ký hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai tuân thủ quy định và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản. Trường hợp chủ đầu tư thế chấp một phần hoặc toàn bộ dự án hoặc nhà ở mà có nhu cầu bán nhà ở đó thì phải giải chấp một phần hoặc toàn bộ dự án hoặc nhà ở và quyền sử dụng đất này trước khi ký hợp đồng mua bán nhà ở với khách hàng theo quy định tại khoản 2 Điều 183 Luật Nhà ở năm 2023. Thực hiện việc bảo lãnh trong bán nhà ở hình thành trong tương lai theo quy định tại Điều 26 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2024.

- Hợp đồng mua bán nhà ở thực hiện theo quy định tại Điều 44, 45, 46 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023; Điều 12 Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ và tên dự án đầu tư xây dựng nhà ở phải thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 33 Luật Nhà ở năm 2023. Việc bán nhà ở cho tổ chức, cá nhân nước ngoài phải thực hiện theo quy định tại Điều 17, 18, 19 Luật Nhà ở năm 2023 và Điều 4, 5, 7 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ.

- Thực hiện việc thanh toán trong mua bán nhà ở hình thành trong tương lai lần đầu không quá 30% giá trị hợp đồng (bao gồm cả tiền đặt cọc), những lần tiếp

theo phải phù hợp với tiến độ xây dựng nhưng tổng số không quá 70% giá trị hợp đồng khi chưa bàn giao nhà ở cho bên mua và không được thu quá 95% giá trị hợp đồng khi bên mua chưa được cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất. quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Chỉ được thu tiền đặt cọc không quá 5% giá bán nhà ở khi nhà ở đã có đủ các điều kiện đưa vào kinh doanh theo quy định. Sử dụng tiền đã thu từ bên mua để đầu tư xây dựng dự án đúng mục đích sử dụng theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết; tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

- Lập một tài khoản để nhận, quản lý kinh phí bảo trì nhà chung cư theo quy định tại Điều 153 Luật Nhà ở năm 2023; sau 05 ngày kể từ khi mở tài khoản, chủ đầu tư phải có văn bản thông báo cho Sở Xây dựng biết về tên chủ tài khoản, số tài khoản đã mở, tên tổ chức tín dụng nơi mở tài khoản và kỳ hạn gửi tiền.

- Thực hiện công khai thông tin dự án theo đúng quy định tại Điều 6 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023, Điều 4 Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ. Thực hiện chế độ báo cáo tình hình triển khai thực hiện dự án theo quy định tại khoản 4 Điều 15 và khoản 1, 2, 3 Điều 17 Nghị định số 94/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ, gửi Sở Xây dựng để cập nhật, tổng hợp, theo dõi và quản lý theo thẩm quyền; cập nhật thông tin, dữ liệu trên hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản theo Nghị định số 357/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

- Triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định pháp luật về đầu tư, đất đai, nhà ở, xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy và pháp luật có liên quan; thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ đầu tư, bên bán nhà ở theo quy định tại Điều 17, Điều 19 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023, Điều 39 Luật Nhà ở năm 2023, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư và các quy định pháp luật có liên quan. Chủ đầu tư chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trường hợp để xảy ra sai phạm trong việc đầu tư xây dựng dự án, kinh doanh bất động sản tại dự án.

Sở Xây dựng thông báo để Công ty Cổ phần Địa Cầu được biết, thực hiện theo đúng quy định pháp luật./. *VL*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND thành phố;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Thuế thành phố Đà Nẵng;
- UBND phường Ngũ Hành Sơn;
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân – CN ĐN;
- Ngân hàng TMCP VN Thịnh Vượng – CNĐN;
- Giám đốc Sở (báo cáo);
- Trang TTĐT Sở Xây dựng (đăng tải);
- Lưu: VT. QLN (U).



Phụ lục

(Đính kèm Công văn số /SXD-QLN ngày /9/2026 của Sở Xây dựng)

**DANH SÁCH NHÀ Ở HÌNH THÀNH TRONG TƯƠNG LAI
ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC BÁN**

**Công trình: Tòa căn hộ chung cư tại lô đất A3-3, A3-4, A3-5 và A3-10 thuộc
dự án Khu đô thị ven sông Hòa Quý – Đồng Nò**

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	4826121667401	F10101	72.1	77.6
2	4826121667401	F10102	57.3	63.4
3	4826121667401	F10103	100.8	108.3
4	4826121667401	F10103A	75.1	80.9
5	4826121667401	F10105	67.4	72.6
6	4826121667401	F10106	71.4	77
7	4826121667401	F10107	56.7	56.7
8	4826121667401	F10108	110.4	117.2
9	4826121667401	F10109	54.8	59.3
10	4826121667401	F10110	91.6	98.2
11	4826121667401	F10111	122.9	130.5
12	4826121667401	F10112	99.2	107.5
13	4826121667401	F10112A	53.4	57.6
14	4826121667401	F10112B	85.3	92.2
15	4826121667401	F10115	61.8	67
16	4826121667401	F10116	51.9	56
17	4826121667401	F10117	107	116.9
18	4826121667401	F10118	78.4	84.8
19	4826121667401	F10119	49.2	53
20	4826121667401	F10120	71	76.8
21	4826121667401	F10216	98.8	109.3
22	4826121667401	F10217	85.4	95.8
23	4826121667401	F10218	52.8	58.2
24	4826121667401	F10219	51.9	56.9
25	4826121667401	F10220	51.9	56.9
26	4826121667401	F10221	51.2	56.7
27	4826121667401	F10222	78.8	89
28	4826121667401	F10223	87.6	97.9

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
29	4826121667401	F10301	77	88.8
30	4826121667401	F10302	38.8	44.7
31	4826121667401	F10303	106.8	119.7
32	4826121667401	F10303A	68.1	75.6
33	4826121667401	F10305	69.2	76.6
34	4826121667401	F10306	69.2	76.6
35	4826121667401	F10307	68.9	76.6
36	4826121667401	F10308	116.9	130.2
37	4826121667401	F10309	43.7	49.5
38	4826121667401	F10310	111.5	125.3
39	4826121667401	F10311	43.8	48.5
40	4826121667401	F10312	62.1	69.7
41	4826121667401	F10312A	62.9	70.1
42	4826121667401	F10312B	43.8	48.6
43	4826121667401	F10315	112.2	125.6
44	4826121667401	F10316	43.6	49.5
45	4826121667401	F10317	85.6	95.9
46	4826121667401	F10318	52.8	58.2
47	4826121667401	F10319	51.6	56.7
48	4826121667401	F10320	51.6	56.7
49	4826121667401	F10321	51.4	56.7
50	4826121667401	F10322	79.2	89.1
51	4826121667401	F10323	38.8	44.7
52	4826121667401	F10324	78.4	89.2
53	4826121667401	F10325	64.3	70.8
54	4826121667401	F10326	56.3	62.1
55	4826121667401	F10327	64.1	71
56	4826121667401	F103A01	71.1	80.9
57	4826121667401	F103A02	39.1	44.7
58	4826121667401	F103A03	107.7	119.7
59	4826121667401	F103A03A	68.4	75.6
60	4826121667401	F103A05	69.5	76.6
61	4826121667401	F103A06	69.5	76.6
62	4826121667401	F103A07	69.4	76.6

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
63	4826121667401	F103A08	117.8	130.2
64	4826121667401	F103A09	43.9	49.5
65	4826121667401	F103A10	79	88.5
66	4826121667401	F103A11	33.7	36.9
67	4826121667401	F103A12	44.2	49.2
68	4826121667401	F103A12A	44.6	49.5
69	4826121667401	F103A12B	33.6	36.9
70	4826121667401	F103A15	79.1	88.5
71	4826121667401	F103A16	43.9	49.5
72	4826121667401	F103A17	86.3	95.9
73	4826121667401	F103A18	53.1	58.2
74	4826121667401	F103A19	51.8	56.7
75	4826121667401	F103A20	51.8	56.7
76	4826121667401	F103A21	51.6	56.7
77	4826121667401	F103A22	79.7	89.1
78	4826121667401	F103A23	39.2	44.7
79	4826121667401	F103A24	72.5	81.3
80	4826121667401	F103A25	49.1	54.2
81	4826121667401	F103A26	37.4	42.9
82	4826121667401	F103A27	48.7	54.3
83	4826121667401	F10501	71.1	80.9
84	4826121667401	F10502	39.1	44.7
85	4826121667401	F10503	107.7	119.7
86	4826121667401	F10503A	68.4	75.6
87	4826121667401	F10505	69.5	76.6
88	4826121667401	F10506	69.5	76.6
89	4826121667401	F10507	69.4	76.6
90	4826121667401	F10508	117.8	130.2
91	4826121667401	F10509	43.9	49.5
92	4826121667401	F10510	79	88.5
93	4826121667401	F10511	33.7	36.9
94	4826121667401	F10512	44.2	49.2
95	4826121667401	F10512A	44.6	49.5
96	4826121667401	F10512B	33.6	36.9

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
97	4826121667401	F10515	79.1	88.5
98	4826121667401	F10516	43.9	49.5
99	4826121667401	F10517	86.3	95.9
100	4826121667401	F10518	53.1	58.2
101	4826121667401	F10519	51.8	56.7
102	4826121667401	F10520	51.8	56.7
103	4826121667401	F10521	51.6	56.7
104	4826121667401	F10522	79.7	89.1
105	4826121667401	F10523	39.2	44.7
106	4826121667401	F10524	72.5	81.3
107	4826121667401	F10525	49.1	54.2
108	4826121667401	F10526	37.4	42.9
109	4826121667401	F10527	48.7	54.3
110	4826121667401	F10601	71.1	80.9
111	4826121667401	F10602	39.1	44.7
112	4826121667401	F10603	107.7	119.7
113	4826121667401	F10603A	68.4	75.6
114	4826121667401	F10605	69.5	76.6
115	4826121667401	F10606	69.5	76.6
116	4826121667401	F10607	69.4	76.6
117	4826121667401	F10608	117.8	130.2
118	4826121667401	F10609	43.9	49.5
119	4826121667401	F10610	79	88.5
120	4826121667401	F10611	33.7	36.9
121	4826121667401	F10612	44.2	49.2
122	4826121667401	F10612A	44.6	49.5
123	4826121667401	F10612B	33.6	36.9
124	4826121667401	F10615	79.1	88.5
125	4826121667401	F10616	43.9	49.5
126	4826121667401	F10617	86.3	95.9
127	4826121667401	F10618	53.1	58.2
128	4826121667401	F10619	51.8	56.7
129	4826121667401	F10620	51.8	56.7
130	4826121667401	F10621	51.6	56.7

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
131	4826121667401	F10622	79.7	89.1
132	4826121667401	F10623	39.2	44.7
133	4826121667401	F10624	72.5	81.3
134	4826121667401	F10625	49.1	54.2
135	4826121667401	F10626	37.4	42.9
136	4826121667401	F10627	48.7	54.3
137	4826121667401	F10701	71.6	80.9
138	4826121667401	F10702	39.4	44.7
139	4826121667401	F10703	108.5	119.8
140	4826121667401	F10703A	68.7	75.6
141	4826121667401	F10705	69.6	76.6
142	4826121667401	F10706	69.6	76.6
143	4826121667401	F10707	69.5	76.6
144	4826121667401	F10708	118.6	130.1
145	4826121667401	F10709	44.1	49.5
146	4826121667401	F10710	79.5	88.7
147	4826121667401	F10711	33.6	36.9
148	4826121667401	F10712	44	49.4
149	4826121667401	F10712A	44.4	49.7
150	4826121667401	F10712B	33.6	36.9
151	4826121667401	F10715	79.8	88.6
152	4826121667401	F10716	44	49.5
153	4826121667401	F10717	87	95.9
154	4826121667401	F10718	53.2	58.2
155	4826121667401	F10719	51.9	56.7
156	4826121667401	F10720	51.9	56.7
157	4826121667401	F10721	51.7	56.7
158	4826121667401	F10722	80.2	89
159	4826121667401	F10723	39.4	44.7
160	4826121667401	F10724	73	81.2
161	4826121667401	F10725	49.2	54.2
162	4826121667401	F10726	37.4	42.9
163	4826121667401	F10727	48.8	54.3
164	4826121667401	F10801	60.7	68.3

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
165	4826121667401	F10802	30.3	34
166	4826121667401	F10803	65.4	71.8
167	4826121667401	F10803A	52.3	57.2
168	4826121667401	F10805	53.2	58.2
169	4826121667401	F10806	53.2	58.2
170	4826121667401	F10807	53.1	58.2
171	4826121667401	F10808	64.2	70.6
172	4826121667401	F10809	30.2	33.7
173	4826121667401	F10810	62.6	69.7
174	4826121667401	F10811	33.6	36.9
175	4826121667401	F10812	44.2	49.4
176	4826121667401	F10812A	44.6	49.7
177	4826121667401	F10812B	33.6	36.9
178	4826121667401	F10815	62.9	69.7
179	4826121667401	F10816	30.1	33.7
180	4826121667401	F10817	64.2	70.6
181	4826121667401	F10818	53.2	58.2
182	4826121667401	F10819	51.9	56.7
183	4826121667401	F10820	51.9	56.7
184	4826121667401	F10821	51.7	56.7
185	4826121667401	F10822	65.4	71.9
186	4826121667401	F10823	30.2	34
187	4826121667401	F10824	62	68.6
188	4826121667401	F10825	49.2	54.2
189	4826121667401	F10826	37.4	42.9
190	4826121667401	F10827	48.8	54.3
191	4826121667401	F10901	60.7	68.3
192	4826121667401	F10902	30.3	34
193	4826121667401	F10903	65.4	71.8
194	4826121667401	F10903A	52.3	57.2
195	4826121667401	F10905	53.2	58.2
196	4826121667401	F10906	53.2	58.2
197	4826121667401	F10907	53.1	58.2
198	4826121667401	F10908	64.2	70.6

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
199	4826121667401	F10909	30.2	33.7
200	4826121667401	F10910	62.6	69.7
201	4826121667401	F10911	33.6	36.9
202	4826121667401	F10912	44.2	49.4
203	4826121667401	F10912A	44.6	49.7
204	4826121667401	F10912B	33.6	36.9
205	4826121667401	F10915	62.9	69.7
206	4826121667401	F10916	30.1	33.7
207	4826121667401	F10917	64.2	70.6
208	4826121667401	F10918	53.2	58.2
209	4826121667401	F10919	51.9	56.7
210	4826121667401	F10920	51.9	56.7
211	4826121667401	F10921	51.7	56.7
212	4826121667401	F10922	65.4	71.9
213	4826121667401	F10923	30.2	34
214	4826121667401	F10924	62	68.6
215	4826121667401	F10925	49.2	54.2
216	4826121667401	F10926	37.4	42.9
217	4826121667401	F10927	48.8	54.3
218	4826121667401	F11001	60.7	68.3
219	4826121667401	F11002	30.3	34
220	4826121667401	F11003	65.4	71.8
221	4826121667401	F11003A	52.3	57.2
222	4826121667401	F11005	53.2	58.2
223	4826121667401	F11006	53.2	58.2
224	4826121667401	F11007	53.1	58.2
225	4826121667401	F11008	64.2	70.6
226	4826121667401	F11009	30.2	33.7
227	4826121667401	F11010	62.6	69.7
228	4826121667401	F11011	33.6	36.9
229	4826121667401	F11012	44.2	49.4
230	4826121667401	F11012A	44.6	49.7
231	4826121667401	F11012B	33.6	36.9
232	4826121667401	F11015	62.9	69.7

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
233	4826121667401	F11016	30.1	33.7
234	4826121667401	F11017	64.2	70.6
235	4826121667401	F11018	53.2	58.2
236	4826121667401	F11019	51.9	56.7
237	4826121667401	F11020	51.9	56.7
238	4826121667401	F11021	51.7	56.7
239	4826121667401	F11022	65.4	71.9
240	4826121667401	F11023	30.2	34
241	4826121667401	F11024	62	68.6
242	4826121667401	F11025	49.2	54.2
243	4826121667401	F11026	37.4	42.9
244	4826121667401	F11027	48.8	54.3
245	4826121667401	F11101	60.7	68.3
246	4826121667401	F11102	30.3	34
247	4826121667401	F11103	65.4	71.8
248	4826121667401	F11103A	52.3	57.2
249	4826121667401	F11105	53.2	58.2
250	4826121667401	F11106	53.2	58.2
251	4826121667401	F11107	53.1	58.2
252	4826121667401	F11108	64.2	70.6
253	4826121667401	F11109	30.2	33.7
254	4826121667401	F11110	62.6	69.7
255	4826121667401	F11111	33.6	36.9
256	4826121667401	F11112	44.2	49.4
257	4826121667401	F11112A	44.6	49.7
258	4826121667401	F11112B	33.6	36.9
259	4826121667401	F11115	62.9	69.7
260	4826121667401	F11116	30.1	33.7
261	4826121667401	F11117	64.2	70.6
262	4826121667401	F11118	53.2	58.2
263	4826121667401	F11119	51.9	56.7
264	4826121667401	F11120	51.9	56.7
265	4826121667401	F11121	51.7	56.7
266	4826121667401	F11122	65.4	71.9

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
267	4826121667401	F11123	30.2	34
268	4826121667401	F11124	62	68.6
269	4826121667401	F11125	49.2	54.2
270	4826121667401	F11126	37.4	42.9
271	4826121667401	F11127	48.8	54.3
272	4826121667401	F11201	60.7	68.3
273	4826121667401	F11202	30.3	34
274	4826121667401	F11203	65.4	71.8
275	4826121667401	F11203A	52.3	57.2
276	4826121667401	F11205	53.2	58.2
277	4826121667401	F11206	53.2	58.2
278	4826121667401	F11207	53.1	58.2
279	4826121667401	F11208	64.2	70.6
280	4826121667401	F11209	30.2	33.7
281	4826121667401	F11210	62.6	69.7
282	4826121667401	F11211	33.6	36.9
283	4826121667401	F11212	44.2	49.4
284	4826121667401	F11212A	44.6	49.7
285	4826121667401	F11212B	33.6	36.9
286	4826121667401	F11215	62.9	69.7
287	4826121667401	F11216	30.1	33.7
288	4826121667401	F11217	64.2	70.6
289	4826121667401	F11218	53.2	58.2
290	4826121667401	F11219	51.9	56.7
291	4826121667401	F11220	51.9	56.7
292	4826121667401	F11221	51.7	56.7
293	4826121667401	F11222	65.4	71.9
294	4826121667401	F11223	30.2	34
295	4826121667401	F11224	62	68.6
296	4826121667401	F11225	49.2	54.2
297	4826121667401	F11226	37.4	42.9
298	4826121667401	F11227	48.8	54.3
299	4826121667401	F112A01	60.7	68.3
300	4826121667401	F112A02	30.3	34

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
301	4826121667401	F112A03	65.4	71.8
302	4826121667401	F112A03A	52.3	57.2
303	4826121667401	F112A05	53.2	58.2
304	4826121667401	F112A06	53.2	58.2
305	4826121667401	F112A07	53.1	58.2
306	4826121667401	F112A08	64.2	70.6
307	4826121667401	F112A09	30.2	33.7
308	4826121667401	F112A10	62.6	69.7
309	4826121667401	F112A11	33.6	36.9
310	4826121667401	F112A12	44.2	49.4
311	4826121667401	F112A12A	44.6	49.7
312	4826121667401	F112A12B	33.6	36.9
313	4826121667401	F112A15	62.9	69.7
314	4826121667401	F112A16	30.1	33.7
315	4826121667401	F112A17	64.2	70.6
316	4826121667401	F112A18	53.2	58.2
317	4826121667401	F112A19	51.9	56.7
318	4826121667401	F112A20	51.9	56.7
319	4826121667401	F112A21	51.7	56.7
320	4826121667401	F112A22	65.4	71.9
321	4826121667401	F112A23	30.2	34
322	4826121667401	F112A24	62	68.6
323	4826121667401	F112A25	49.2	54.2
324	4826121667401	F112A26	37.4	42.9
325	4826121667401	F112A27	48.8	54.3
326	4826121667401	F112B01	60.7	68.3
327	4826121667401	F112B02	30.3	34
328	4826121667401	F112B03	65.4	71.8
329	4826121667401	F112B03A	52.3	57.2
330	4826121667401	F112B05	53.2	58.2
331	4826121667401	F112B06	53.2	58.2
332	4826121667401	F112B07	53.1	58.2
333	4826121667401	F112B08	64.2	70.6
334	4826121667401	F112B09	30.2	33.7

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
335	4826121667401	F112B10	62.6	69.7
336	4826121667401	F112B11	33.6	36.9
337	4826121667401	F112B12	44.2	49.4
338	4826121667401	F112B12A	44.6	49.7
339	4826121667401	F112B12B	33.6	36.9
340	4826121667401	F112B15	62.9	69.7
341	4826121667401	F112B16	30.1	33.7
342	4826121667401	F112B17	64.2	70.6
343	4826121667401	F112B18	53.2	58.2
344	4826121667401	F112B19	51.9	56.7
345	4826121667401	F112B20	51.9	56.7
346	4826121667401	F112B21	51.7	56.7
347	4826121667401	F112B22	65.4	71.9
348	4826121667401	F112B23	30.2	34
349	4826121667401	F112B24	62	68.6
350	4826121667401	F112B25	49.2	54.2
351	4826121667401	F112B26	37.4	42.9
352	4826121667401	F112B27	48.8	54.3
353	4826121667401	F11501	60.7	68.3
354	4826121667401	F11502	30.3	34
355	4826121667401	F11503	65.4	71.8
356	4826121667401	F11503A	52.3	57.2
357	4826121667401	F11505	53.2	58.2
358	4826121667401	F11506	53.2	58.2
359	4826121667401	F11507	53.1	58.2
360	4826121667401	F11508	64.2	70.6
361	4826121667401	F11509	30.2	33.7
362	4826121667401	F11510	62.6	69.7
363	4826121667401	F11511	33.6	36.9
364	4826121667401	F11512	44.2	49.4
365	4826121667401	F11512A	44.6	49.7
366	4826121667401	F11512B	33.6	36.9
367	4826121667401	F11515	62.9	69.7
368	4826121667401	F11516	30.1	33.7

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
369	4826121667401	F11517	64.2	70.6
370	4826121667401	F11518	53.2	58.2
371	4826121667401	F11519	51.9	56.7
372	4826121667401	F11520	51.9	56.7
373	4826121667401	F11521	51.7	56.7
374	4826121667401	F11522	65.4	71.9
375	4826121667401	F11523	30.2	34
376	4826121667401	F11524	62	68.6
377	4826121667401	F11525	49.2	54.2
378	4826121667401	F11526	37.4	42.9
379	4826121667401	F11527	48.8	54.3
380	4826121667401	F11601	60.7	68.3
381	4826121667401	F11602	30.3	34
382	4826121667401	F11603	65.4	71.8
383	4826121667401	F11603A	52.3	57.2
384	4826121667401	F11605	53.2	58.2
385	4826121667401	F11606	53.2	58.2
386	4826121667401	F11607	53.1	58.2
387	4826121667401	F11608	64.2	70.6
388	4826121667401	F11609	30.2	33.7
389	4826121667401	F11610	62.6	69.7
390	4826121667401	F11611	33.6	36.9
391	4826121667401	F11612	44.2	49.4
392	4826121667401	F11612A	44.6	49.7
393	4826121667401	F11612B	33.6	36.9
394	4826121667401	F11615	62.9	69.7
395	4826121667401	F11616	30.1	33.7
396	4826121667401	F11617	64.2	70.6
397	4826121667401	F11618	53.2	58.2
398	4826121667401	F11619	51.9	56.7
399	4826121667401	F11620	51.9	56.7
400	4826121667401	F11621	51.7	56.7
401	4826121667401	F11622	65.4	71.9
402	4826121667401	F11623	30.2	34

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
403	4826121667401	F11624	62	68.6
404	4826121667401	F11625	49.2	54.2
405	4826121667401	F11626	37.4	42.9
406	4826121667401	F11627	48.8	54.3
407	4826121667401	F11701	60.7	68.3
408	4826121667401	F11702	30.3	34
409	4826121667401	F11703	65.4	71.8
410	4826121667401	F11703A	52.3	57.2
411	4826121667401	F11705	53.2	58.2
412	4826121667401	F11706	53.2	58.2
413	4826121667401	F11707	53.1	58.2
414	4826121667401	F11708	64.2	70.6
415	4826121667401	F11709	30.2	33.7
416	4826121667401	F11710	62.6	69.7
417	4826121667401	F11711	33.6	36.9
418	4826121667401	F11712	44.2	49.4
419	4826121667401	F11712A	44.6	49.7
420	4826121667401	F11712B	33.6	36.9
421	4826121667401	F11715	62.9	69.7
422	4826121667401	F11716	30.1	33.7
423	4826121667401	F11717	64.2	70.6
424	4826121667401	F11718	53.2	58.2
425	4826121667401	F11719	51.9	56.7
426	4826121667401	F11720	51.9	56.7
427	4826121667401	F11721	51.7	56.7
428	4826121667401	F11722	65.4	71.9
429	4826121667401	F11723	30.2	34
430	4826121667401	F11724	62	68.6
431	4826121667401	F11725	49.2	54.2
432	4826121667401	F11726	37.4	42.9
433	4826121667401	F11727	48.8	54.3
434	4826121667401	F11801	60.7	68.3
435	4826121667401	F11802	30.3	34
436	4826121667401	F11803	65.4	71.8

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
437	4826121667401	F11803A	52.3	57.2
438	4826121667401	F11805	53.2	58.2
439	4826121667401	F11806	53.2	58.2
440	4826121667401	F11807	53.1	58.2
441	4826121667401	F11808	64.2	70.6
442	4826121667401	F11809	30.2	33.7
443	4826121667401	F11810	62.6	69.7
444	4826121667401	F11811	33.6	36.9
445	4826121667401	F11812	44.2	49.4
446	4826121667401	F11812A	44.6	49.7
447	4826121667401	F11812B	33.6	36.9
448	4826121667401	F11815	62.9	69.7
449	4826121667401	F11816	30.1	33.7
450	4826121667401	F11817	64.2	70.6
451	4826121667401	F11818	53.2	58.2
452	4826121667401	F11819	51.9	56.7
453	4826121667401	F11820	51.9	56.7
454	4826121667401	F11821	51.7	56.7
455	4826121667401	F11822	65.4	71.9
456	4826121667401	F11823	30.2	34
457	4826121667401	F11824	62	68.6
458	4826121667401	F11825	49.2	54.2
459	4826121667401	F11826	37.4	42.9
460	4826121667401	F11827	48.8	54.3
461	4826121667401	F11901	60.7	68.3
462	4826121667401	F11902	30.3	34
463	4826121667401	F11903	65.4	71.8
464	4826121667401	F11903A	52.3	57.2
465	4826121667401	F11905	53.2	58.2
466	4826121667401	F11906	53.2	58.2
467	4826121667401	F11907	53.1	58.2
468	4826121667401	F11908	64.2	70.6
469	4826121667401	F11909	30.2	33.7
470	4826121667401	F11910	62.6	69.7

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
471	4826121667401	F11911	33.6	36.9
472	4826121667401	F11912	44.2	49.4
473	4826121667401	F11912A	44.6	49.7
474	4826121667401	F11912B	33.6	36.9
475	4826121667401	F11915	62.9	69.7
476	4826121667401	F11916	30.1	33.7
477	4826121667401	F11917	64.2	70.6
478	4826121667401	F11918	53.2	58.2
479	4826121667401	F11919	51.9	56.7
480	4826121667401	F11920	51.9	56.7
481	4826121667401	F11921	51.7	56.7
482	4826121667401	F11922	65.4	71.9
483	4826121667401	F11923	30.2	34
484	4826121667401	F11924	62	68.6
485	4826121667401	F11925	49.2	54.2
486	4826121667401	F11926	37.4	42.9
487	4826121667401	F11927	48.8	54.3
488	4826121667401	F12001	96.3	105.8
489	4826121667401	F12002	65.4	72
490	4826121667401	F12003	51.9	56.8
491	4826121667401	F12003A	53.3	58.2
492	4826121667401	F12005	53.3	58.2
493	4826121667401	F12006	53.2	58.2
494	4826121667401	F12007	64.2	70.6
495	4826121667401	F12008	81.6	88.6
496	4826121667401	F12009	50.5	55.3
497	4826121667401	F12010	44.3	49.2
498	4826121667401	F12011	44.6	49.5
499	4826121667401	F12012	50.8	55.3
500	4826121667401	F12012A	81.6	88.6
501	4826121667401	F12012B	64.2	70.6
502	4826121667401	F12015	53.2	58.2
503	4826121667401	F12016	52.1	56.9
504	4826121667401	F12017	52	56.9

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
505	4826121667401	F12018	51.8	56.7
506	4826121667401	F12019	65.5	72
507	4826121667401	F12020	97.6	105.8
508	4826121667401	F12021	88.2	96.6
509	4826121667401	F12022	48.7	54.2
510	4826122541501	F50101	68.9	75.8
511	4826122541501	F50102	101.3	110.5
512	4826122541501	F50103	55.4	60.3
513	4826122541501	F50103A	40	43.8
514	4826122541501	F50105	94.7	102.2
515	4826122541501	F50106	163.1	173.2
516	4826122541501	F50107	98.8	104.8
517	4826122541501	F50108	61.9	66.2
518	4826122541501	F50109	67.4	72.4
519	4826122541501	F50110	92.4	99.9
520	4826122541501	F50111	53.3	57.6
521	4826122541501	F50112	63.2	67.6
522	4826122541501	F50112A	42.8	47.4
523	4826122541501	F50112B	58.5	63.7
524	4826122541501	F50115	36.7	41.9
525	4826122541501	F50116	45.1	50.2
526	4826122541501	F50117	105	111.7
527	4826122541501	F50118	113.8	121
528	4826122541501	F50119	75.2	82.9
529	4826122541501	F50120	66.9	72.1
530	4826122541501	F50121	105.4	112.5
531	4826122541501	F50122	72.6	78.4
532	4826122541501	F50123	55.2	59.4
533	4826122541501	F50124	57.1	62.3
534	4826122541501	F50125	68.7	75.3
535	4826122541501	F50126	69.4	76.2
536	4826122541501	F50127	69	75.8
537	4826122541501	F50128	130.7	138.5
538	4826122541501	F50209	135.8	147.25

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
539	4826122541501	F50210	53.1	58.95
540	4826122541501	F50211	32	36.56
541	4826122541501	F50212	115.1	126.17
542	4826122541501	F50212A	44.91	51.23
543	4826122541501	F50212B	69.4	75.6
544	4826122541501	F50215	70.2	76.8
545	4826122541501	F50216	70.2	76.8
546	4826122541501	F50217	70.2	76.8
547	4826122541501	F50218	45.7	51.2
548	4826122541501	F50219	45.9	51.2
549	4826122541501	F50220	134.4	144.8
550	4826122541501	F50221	64	70.8
551	4826122541501	F50222	69	75.6
552	4826122541501	F50301	74.1	81
553	4826122541501	F50302	61.2	67.6
554	4826122541501	F50303	61.5	67.6
555	4826122541501	F50303A	55.6	61.9
556	4826122541501	F50305	70	76.8
557	4826122541501	F50306	54.8	61.2
558	4826122541501	F50307	97.8	105.4
559	4826122541501	F50308	86.9	95.5
560	4826122541501	F50309	151.7	163.1
561	4826122541501	F50310	53.6	59
562	4826122541501	F50311	32.2	36.6
563	4826122541501	F50312	116.6	126.2
564	4826122541501	F50312A	45.7	51.2
565	4826122541501	F50312B	69.7	75.6
566	4826122541501	F50315	70.7	76.8
567	4826122541501	F50316	70.7	76.8
568	4826122541501	F50317	70.7	76.8
569	4826122541501	F50318	46	51.2
570	4826122541501	F50319	46.1	51.2
571	4826122541501	F50320	135.3	144.8
572	4826122541501	F50321	64.6	70.8

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
573	4826122541501	F50322	73.2	75.6
574	4826122541501	F50323	74.2	76.8
575	4826122541501	F50324	73.8	76.3
576	4826122541501	F50325	65.5	67.8
577	4826122541501	F50326	73.8	76.3
578	4826122541501	F50327	64.8	71
579	4826122541501	F50328	103	111.5
580	4826122541501	F50329	32.3	37.1
581	4826122541501	F50330	52	58.2
582	4826122541501	F50331	52.9	58.2
583	4826122541501	F50332	101.9	111.8
584	4826122541501	F50333	117.2	126.3
585	4826122541501	F50334	38.2	44.2
586	4826122541501	F503A01	59.2	64.2
587	4826122541501	F503A02	34.5	39.2
588	4826122541501	F503A03	41.2	45.6
589	4826122541501	F503A03A	34.7	39.2
590	4826122541501	F503A05	60.5	65.6
591	4826122541501	F503A06	46.6	51.7
592	4826122541501	F503A07	62.8	68.5
593	4826122541501	F503A08	50.6	56.6
594	4826122541501	F503A09	124.2	134.1
595	4826122541501	F503A10	53.6	59
596	4826122541501	F503A11	32.2	36.6
597	4826122541501	F503A12	116.6	126.2
598	4826122541501	F503A12A	45.7	51.2
599	4826122541501	F503A12B	69.7	75.6
600	4826122541501	F503A15	70.7	76.8
601	4826122541501	F503A16	70.7	76.8
602	4826122541501	F503A17	70.7	76.8
603	4826122541501	F503A18	46	51.2
604	4826122541501	F503A19	46.1	51.2
605	4826122541501	F503A20	135.3	144.8
606	4826122541501	F503A21	64.2	70.4

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
607	4826122541501	F503A22	61	66.6
608	4826122541501	F503A23	62.1	67.8
609	4826122541501	F503A24	62.1	67.8
610	4826122541501	F503A25	62.1	67.8
611	4826122541501	F503A26	62.1	67.8
612	4826122541501	F503A27	64.5	70.5
613	4826122541501	F503A28	103.1	111.5
614	4826122541501	F503A29	32.2	37.1
615	4826122541501	F503A30	52	58.2
616	4826122541501	F503A31	52.9	58.2
617	4826122541501	F503A32	101.9	111.5
618	4826122541501	F503A33	86.4	93.5
619	4826122541501	F503A34	32.3	37
620	4826122541501	F50501	59.2	64.2
621	4826122541501	F50502	34.5	39.2
622	4826122541501	F50503	41.2	45.6
623	4826122541501	F50503A	34.7	39.2
624	4826122541501	F50505	60.5	65.6
625	4826122541501	F50506	46.6	51.7
626	4826122541501	F50507	62.8	68.5
627	4826122541501	F50508	50.6	56.6
628	4826122541501	F50509	124.2	134.1
629	4826122541501	F50510	53.6	59
630	4826122541501	F50511	32.2	36.6
631	4826122541501	F50512	116.6	126.2
632	4826122541501	F50512A	45.7	51.2
633	4826122541501	F50512B	69.7	75.6
634	4826122541501	F50515	70.7	76.8
635	4826122541501	F50516	70.7	76.8
636	4826122541501	F50517	70.7	76.8
637	4826122541501	F50518	46	51.2
638	4826122541501	F50519	46.1	51.2
639	4826122541501	F50520	135.3	144.8
640	4826122541501	F50521	64.2	70.4

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
641	4826122541501	F50522	61	66.6
642	4826122541501	F50523	62.1	67.8
643	4826122541501	F50524	62.1	67.8
644	4826122541501	F50525	62.1	67.8
645	4826122541501	F50526	62.1	67.8
646	4826122541501	F50527	64.5	70.5
647	4826122541501	F50528	103.1	111.5
648	4826122541501	F50529	32.2	37.1
649	4826122541501	F50530	52	58.2
650	4826122541501	F50531	52.9	58.2
651	4826122541501	F50532	101.9	111.5
652	4826122541501	F50533	86.4	93.5
653	4826122541501	F50534	32.3	37
654	4826122541501	F50601	59.2	64.2
655	4826122541501	F50602	34.5	39.2
656	4826122541501	F50603	41.2	45.6
657	4826122541501	F50603A	34.7	39.2
658	4826122541501	F50605	60.5	65.6
659	4826122541501	F50606	46.6	51.7
660	4826122541501	F50607	62.8	68.5
661	4826122541501	F50608	50.6	56.6
662	4826122541501	F50609	124.2	134.1
663	4826122541501	F50610	53.6	59
664	4826122541501	F50611	32.2	36.6
665	4826122541501	F50612	116.6	126.2
666	4826122541501	F50612A	45.7	51.2
667	4826122541501	F50612B	69.7	75.6
668	4826122541501	F50615	70.7	76.8
669	4826122541501	F50616	70.7	76.8
670	4826122541501	F50617	70.7	76.8
671	4826122541501	F50618	46	51.2
672	4826122541501	F50619	46.1	51.2
673	4826122541501	F50620	135.3	144.8
674	4826122541501	F50621	64.2	70.4

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
675	4826122541501	F50622	61	66.6
676	4826122541501	F50623	62.1	67.8
677	4826122541501	F50624	62.1	67.8
678	4826122541501	F50625	62.1	67.8
679	4826122541501	F50626	62.1	67.8
680	4826122541501	F50627	64.5	70.5
681	4826122541501	F50628	103.1	111.5
682	4826122541501	F50629	32.2	37.1
683	4826122541501	F50630	52	58.2
684	4826122541501	F50631	52.9	58.2
685	4826122541501	F50632	101.9	111.5
686	4826122541501	F50633	86.4	93.5
687	4826122541501	F50634	32.3	37
688	4826122541501	F50701	59.2	64.2
689	4826122541501	F50702	34.5	39.2
690	4826122541501	F50703	41.2	45.6
691	4826122541501	F50703A	34.7	39.2
692	4826122541501	F50705	60.5	65.6
693	4826122541501	F50706	46.6	51.7
694	4826122541501	F50707	62.8	68.5
695	4826122541501	F50708	50.6	56.6
696	4826122541501	F50709	124.8	134.1
697	4826122541501	F50710	53.6	59
698	4826122541501	F50711	32.2	36.6
699	4826122541501	F50712	116.8	126.2
700	4826122541501	F50712A	45.7	51.1
701	4826122541501	F50712B	69.4	75.6
702	4826122541501	F50715	70.4	76.8
703	4826122541501	F50716	70.4	76.8
704	4826122541501	F50717	70.4	76.8
705	4826122541501	F50718	46	51.2
706	4826122541501	F50719	46.1	51.2
707	4826122541501	F50720	135.9	144.8
708	4826122541501	F50721	64	70.3

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
709	4826122541501	F50722	60.8	66.6
710	4826122541501	F50723	65.8	67.7
711	4826122541501	F50724	65.8	67.8
712	4826122541501	F50725	65.8	67.8
713	4826122541501	F50726	65.8	67.8
714	4826122541501	F50727	64.2	70.5
715	4826122541501	F50728	103	111.5
716	4826122541501	F50729	32.3	37.1
717	4826122541501	F50730	52	58.2
718	4826122541501	F50731	52.9	58.2
719	4826122541501	F50732	102	111.5
720	4826122541501	F50733	86.6	93.5
721	4826122541501	F50734	32.3	37
722	4826122541501	F50801	59.2	64.2
723	4826122541501	F50802	34.5	39.2
724	4826122541501	F50803	41.2	45.6
725	4826122541501	F50803A	34.7	39.2
726	4826122541501	F50805	60.5	65.6
727	4826122541501	F50806	46.6	51.7
728	4826122541501	F50807	62.8	69.1
729	4826122541501	F50808	50.6	56.6
730	4826122541501	F50809	90.9	99.1
731	4826122541501	F50810	53.6	59
732	4826122541501	F50811	32.2	36.6
733	4826122541501	F50812	90	97.6
734	4826122541501	F50812A	34.5	39.2
735	4826122541501	F50812B	52.2	57.3
736	4826122541501	F50815	53.2	58.5
737	4826122541501	F50816	53.2	58.5
738	4826122541501	F50817	53.2	58.5
739	4826122541501	F50818	34.7	39.3
740	4826122541501	F50819	34.8	39.3
741	4826122541501	F50820	72	78.9
742	4826122541501	F50821	47.3	52.6

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
743	4826122541501	F50822	43.6	48.3
744	4826122541501	F50823	57.9	59.2
745	4826122541501	F50824	48.6	49.5
746	4826122541501	F50825	57.9	59.2
747	4826122541501	F50826	48.6	49.6
748	4826122541501	F50827	47.5	52.8
749	4826122541501	F50828	71.6	79
750	4826122541501	F50829	32.3	37.1
751	4826122541501	F50830	52	58.2
752	4826122541501	F50831	52.9	58.2
753	4826122541501	F50832	70.5	78.9
754	4826122541501	F50833	60.8	66.6
755	4826122541501	F50834	32.3	37
756	4826122541501	F50901	59.2	64.2
757	4826122541501	F50902	34.5	39.2
758	4826122541501	F50903	41.2	45.6
759	4826122541501	F50903A	34.7	39.2
760	4826122541501	F50905	60.5	65.6
761	4826122541501	F50906	46.6	51.7
762	4826122541501	F50907	62.8	69.1
763	4826122541501	F50908	50.6	56.6
764	4826122541501	F50909	90.9	99.1
765	4826122541501	F50910	53.6	59
766	4826122541501	F50911	32.2	36.6
767	4826122541501	F50912	90	97.6
768	4826122541501	F50912A	34.5	39.2
769	4826122541501	F50912B	52.2	57.3
770	4826122541501	F50915	53.2	58.5
771	4826122541501	F50916	53.2	58.5
772	4826122541501	F50917	53.2	58.5
773	4826122541501	F50918	34.7	39.3
774	4826122541501	F50919	34.8	39.3
775	4826122541501	F50920	72	78.9
776	4826122541501	F50921	47.3	52.6

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
777	4826122541501	F50922	43.6	48.3
778	4826122541501	F50923	57.9	59.2
779	4826122541501	F50924	48.6	49.5
780	4826122541501	F50925	57.9	59.2
781	4826122541501	F50926	48.6	49.6
782	4826122541501	F50927	47.5	52.8
783	4826122541501	F50928	71.6	79
784	4826122541501	F50929	32.3	37.1
785	4826122541501	F50930	52	58.2
786	4826122541501	F50931	52.9	58.2
787	4826122541501	F50932	70.5	78.9
788	4826122541501	F50933	60.8	66.6
789	4826122541501	F50934	32.3	37
790	4826122541501	F51001	59.2	64.2
791	4826122541501	F51002	34.5	39.2
792	4826122541501	F51003	41.2	45.6
793	4826122541501	F51003A	34.7	39.2
794	4826122541501	F51005	60.5	65.6
795	4826122541501	F51006	46.6	51.7
796	4826122541501	F51007	62.8	69.1
797	4826122541501	F51008	50.6	56.6
798	4826122541501	F51009	90.9	99.1
799	4826122541501	F51010	53.6	59
800	4826122541501	F51011	32.2	36.6
801	4826122541501	F51012	90	97.6
802	4826122541501	F51012A	34.5	39.2
803	4826122541501	F51012B	52.2	57.3
804	4826122541501	F51015	53.2	58.5
805	4826122541501	F51016	53.2	58.5
806	4826122541501	F51017	53.2	58.5
807	4826122541501	F51018	34.7	39.3
808	4826122541501	F51019	34.8	39.3
809	4826122541501	F51020	72	78.9
810	4826122541501	F51021	47.3	52.6

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
811	4826122541501	F51022	43.6	48.3
812	4826122541501	F51023	57.9	59.2
813	4826122541501	F51024	48.6	49.5
814	4826122541501	F51025	57.9	59.2
815	4826122541501	F51026	48.6	49.6
816	4826122541501	F51027	47.5	52.8
817	4826122541501	F51028	71.6	79
818	4826122541501	F51029	32.3	37.1
819	4826122541501	F51030	52	58.2
820	4826122541501	F51031	52.9	58.2
821	4826122541501	F51032	70.5	78.9
822	4826122541501	F51033	60.8	66.6
823	4826122541501	F51034	32.3	37
824	4826122541501	F51101	59.2	64.2
825	4826122541501	F51102	34.5	39.2
826	4826122541501	F51103	41.2	45.6
827	4826122541501	F51103A	34.7	39.2
828	4826122541501	F51105	60.5	65.6
829	4826122541501	F51106	46.6	51.7
830	4826122541501	F51107	62.8	69.1
831	4826122541501	F51108	50.6	56.6
832	4826122541501	F51109	90.9	99.1
833	4826122541501	F51110	53.6	59
834	4826122541501	F51111	32.2	36.6
835	4826122541501	F51112	90	97.6
836	4826122541501	F51112A	34.5	39.2
837	4826122541501	F51112B	52.2	57.3
838	4826122541501	F51115	53.2	58.5
839	4826122541501	F51116	53.2	58.5
840	4826122541501	F51117	53.2	58.5
841	4826122541501	F51118	34.7	39.3
842	4826122541501	F51119	34.8	39.3
843	4826122541501	F51120	72	78.9
844	4826122541501	F51121	47.3	52.6

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
845	4826122541501	F51122	43.6	48.3
846	4826122541501	F51123	57.9	59.2
847	4826122541501	F51124	48.6	49.5
848	4826122541501	F51125	57.9	59.2
849	4826122541501	F51126	48.6	49.6
850	4826122541501	F51127	47.5	52.8
851	4826122541501	F51128	71.6	79
852	4826122541501	F51129	32.3	37.1
853	4826122541501	F51130	52	58.2
854	4826122541501	F51131	52.9	58.2
855	4826122541501	F51132	70.5	78.9
856	4826122541501	F51133	60.8	66.6
857	4826122541501	F51134	32.3	37
858	4826122541501	F51201	59.2	64.2
859	4826122541501	F51202	34.5	39.2
860	4826122541501	F51203	41.2	45.6
861	4826122541501	F51203A	34.7	39.2
862	4826122541501	F51205	60.5	65.6
863	4826122541501	F51206	46.6	51.7
864	4826122541501	F51207	62.8	69.1
865	4826122541501	F51208	50.6	56.6
866	4826122541501	F51209	90.9	99.1
867	4826122541501	F51210	53.6	59
868	4826122541501	F51211	32.2	36.6
869	4826122541501	F51212	90	97.6
870	4826122541501	F51212A	34.5	39.2
871	4826122541501	F51212B	52.2	57.3
872	4826122541501	F51215	53.2	58.5
873	4826122541501	F51216	53.2	58.5
874	4826122541501	F51217	53.2	58.5
875	4826122541501	F51218	34.7	39.3
876	4826122541501	F51219	34.8	39.3
877	4826122541501	F51220	72	78.9
878	4826122541501	F51221	47.3	52.6

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
879	4826122541501	F51222	43.6	48.3
880	4826122541501	F51223	57.9	59.2
881	4826122541501	F51224	48.6	49.5
882	4826122541501	F51225	57.9	59.2
883	4826122541501	F51226	48.6	49.6
884	4826122541501	F51227	47.5	52.8
885	4826122541501	F51228	71.6	79
886	4826122541501	F51229	32.3	37.1
887	4826122541501	F51230	52	58.2
888	4826122541501	F51231	52.9	58.2
889	4826122541501	F51232	70.5	78.9
890	4826122541501	F51233	60.8	66.6
891	4826122541501	F51234	32.3	37
892	4826122541501	F512A01	59.2	64.2
893	4826122541501	F512A02	34.5	39.2
894	4826122541501	F512A03	41.2	45.6
895	4826122541501	F512A03A	34.7	39.2
896	4826122541501	F512A05	60.5	65.6
897	4826122541501	F512A06	46.6	51.7
898	4826122541501	F512A07	62.8	69.1
899	4826122541501	F512A08	50.6	56.6
900	4826122541501	F512A09	90.9	99.1
901	4826122541501	F512A10	53.6	59
902	4826122541501	F512A11	32.2	36.6
903	4826122541501	F512A12	90	97.6
904	4826122541501	F512A12A	34.5	39.2
905	4826122541501	F512A12B	52.2	57.3
906	4826122541501	F512A15	53.2	58.5
907	4826122541501	F512A16	53.2	58.5
908	4826122541501	F512A17	53.2	58.5
909	4826122541501	F512A18	34.7	39.3
910	4826122541501	F512A19	34.8	39.3
911	4826122541501	F512A20	72	78.9
912	4826122541501	F512A21	47.3	52.6

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
913	4826122541501	F512A22	43.6	48.3
914	4826122541501	F512A23	57.9	59.2
915	4826122541501	F512A24	48.6	49.5
916	4826122541501	F512A25	57.9	59.2
917	4826122541501	F512A26	48.6	49.6
918	4826122541501	F512A27	47.5	52.8
919	4826122541501	F512A28	71.6	79
920	4826122541501	F512A29	32.3	37.1
921	4826122541501	F512A30	52	58.2
922	4826122541501	F512A31	52.9	58.2
923	4826122541501	F512A32	70.5	78.9
924	4826122541501	F512A33	60.8	66.6
925	4826122541501	F512A34	32.3	37
926	4826122541501	F512B01	59.2	64.2
927	4826122541501	F512B02	34.5	39.2
928	4826122541501	F512B03	41.2	45.6
929	4826122541501	F512B03A	34.7	39.2
930	4826122541501	F512B05	60.5	65.6
931	4826122541501	F512B06	46.6	51.7
932	4826122541501	F512B07	62.8	69.1
933	4826122541501	F512B08	50.6	56.6
934	4826122541501	F512B09	90.9	99.1
935	4826122541501	F512B10	53.6	59
936	4826122541501	F512B11	32.2	36.6
937	4826122541501	F512B12	90	97.6
938	4826122541501	F512B12A	34.5	39.2
939	4826122541501	F512B12B	52.2	57.3
940	4826122541501	F512B15	53.2	58.5
941	4826122541501	F512B16	53.2	58.5
942	4826122541501	F512B17	53.2	58.5
943	4826122541501	F512B18	34.7	39.3
944	4826122541501	F512B19	34.8	39.3
945	4826122541501	F512B20	72	78.9
946	4826122541501	F512B21	47.3	52.6

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
947	4826122541501	F512B22	43.6	48.3
948	4826122541501	F512B23	57.9	59.2
949	4826122541501	F512B24	48.6	49.5
950	4826122541501	F512B25	57.9	59.2
951	4826122541501	F512B26	48.6	49.6
952	4826122541501	F512B27	47.5	52.8
953	4826122541501	F512B28	71.6	79
954	4826122541501	F512B29	32.3	37.1
955	4826122541501	F512B30	52	58.2
956	4826122541501	F512B31	52.9	58.2
957	4826122541501	F512B32	70.5	78.9
958	4826122541501	F512B33	60.8	66.6
959	4826122541501	F512B34	32.3	37
960	4826122541501	F51501	59.2	64.2
961	4826122541501	F51502	34.5	39.2
962	4826122541501	F51503	41.2	45.6
963	4826122541501	F51503A	34.7	39.2
964	4826122541501	F51505	60.5	65.6
965	4826122541501	F51506	46.6	51.7
966	4826122541501	F51507	62.8	69.1
967	4826122541501	F51508	50.6	56.6
968	4826122541501	F51509	90.9	99.1
969	4826122541501	F51510	53.6	59
970	4826122541501	F51511	32.2	36.6
971	4826122541501	F51512	90	97.6
972	4826122541501	F51512A	34.5	39.2
973	4826122541501	F51512B	52.2	57.3
974	4826122541501	F51515	53.2	58.5
975	4826122541501	F51516	53.2	58.5
976	4826122541501	F51517	53.2	58.5
977	4826122541501	F51518	34.7	39.3
978	4826122541501	F51519	34.8	39.3
979	4826122541501	F51520	72	78.9
980	4826122541501	F51521	47.3	52.6

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
981	4826122541501	F51522	43.6	48.3
982	4826122541501	F51523	57.9	59.2
983	4826122541501	F51524	48.6	49.5
984	4826122541501	F51525	57.9	59.2
985	4826122541501	F51526	48.6	49.6
986	4826122541501	F51527	47.5	52.8
987	4826122541501	F51528	71.6	79
988	4826122541501	F51529	32.3	37.1
989	4826122541501	F51530	52	58.2
990	4826122541501	F51531	52.9	58.2
991	4826122541501	F51532	70.5	78.9
992	4826122541501	F51533	60.8	66.6
993	4826122541501	F51534	32.3	37
994	4826122541501	F51601	59.2	64.2
995	4826122541501	F51602	34.5	39.2
996	4826122541501	F51603	41.2	45.6
997	4826122541501	F51603A	34.7	39.2
998	4826122541501	F51605	60.5	65.6
999	4826122541501	F51606	46.6	51.7
1000	4826122541501	F51607	62.8	69.1
1001	4826122541501	F51608	50.6	56.6
1002	4826122541501	F51611	209.8	218.8
1003	4826122541501	F51612	90	97.6
1004	4826122541501	F51612A	34.5	39.2
1005	4826122541501	F51612B	52.2	57.3
1006	4826122541501	F51615	53.2	58.5
1007	4826122541501	F51616	53.2	58.5
1008	4826122541501	F51617	53.2	58.5
1009	4826122541501	F51618	34.7	39.3
1010	4826122541501	F51619	34.8	39.3
1011	4826122541501	F51620	72	78.9
1012	4826122541501	F51621	47.3	52.6
1013	4826122541501	F51622	43.6	48.3
1014	4826122541501	F51623	57.9	59.2

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
1015	4826122541501	F51624	48.6	49.5
1016	4826122541501	F51625	57.9	59.2
1017	4826122541501	F51626	48.6	49.6
1018	4826122541501	F51627	47.5	52.8
1019	4826122541501	F51628	71.6	79
1020	4826122541501	F51629	32.3	37.1
1021	4826122541501	F51630	52	58.2
1022	4826122541501	F51631	52.9	58.2
1023	4826122541501	F51632	70.5	78.9
1024	4826122541501	F51633	60.8	66.6
1025	4826122541501	F51634	32.3	37
1026	4826122541501	F51701	59.2	64.2
1027	4826122541501	F51702	34.5	39.2
1028	4826122541501	F51703	41.2	45.6
1029	4826122541501	F51703A	34.7	39.2
1030	4826122541501	F51705	60.5	65.6
1031	4826122541501	F51706	46.6	51.7
1032	4826122541501	F51707	62.8	69.1
1033	4826122541501	F51708	50.6	56.6
1034	4826122541501	F51711	104.1	111.6
1035	4826122541501	F51712	90	97.6
1036	4826122541501	F51712A	34.5	39.2
1037	4826122541501	F51712B	52.2	57.3
1038	4826122541501	F51715	53.2	58.5
1039	4826122541501	F51716	53.2	58.5
1040	4826122541501	F51717	53.2	58.5
1041	4826122541501	F51718	34.7	39.3
1042	4826122541501	F51719	34.8	39.3
1043	4826122541501	F51720	72	78.9
1044	4826122541501	F51721	47.3	52.6
1045	4826122541501	F51722	43.6	48.3
1046	4826122541501	F51723	57.9	59.2
1047	4826122541501	F51724	48.6	49.5
1048	4826122541501	F51725	57.9	59.2

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
1049	4826122541501	F51726	48.6	49.6
1050	4826122541501	F51727	47.5	52.8
1051	4826122541501	F51728	71.6	79
1052	4826122541501	F51729	32.3	37.1
1053	4826122541501	F51730	52	58.2
1054	4826122541501	F51731	52.9	58.2
1055	4826122541501	F51732	70.6	78.9
1056	4826122541501	F51733	60.8	66.6
1057	4826122541501	F51734	32.3	37
1058	4826122541501	F51801	59.2	64.2
1059	4826122541501	F51802	34.5	39.2
1060	4826122541501	F51803	41.2	45.6
1061	4826122541501	F51803A	34.7	39.2
1062	4826122541501	F51805	60.5	65.6
1063	4826122541501	F51806	46.6	51.7
1064	4826122541501	F51807	62.8	69.1
1065	4826122541501	F51808	50.6	56.6
1066	4826122541501	F51811	104.1	111.6
1067	4826122541501	F51812	90	97.6
1068	4826122541501	F51812A	34.5	39.2
1069	4826122541501	F51812B	52.2	57.3
1070	4826122541501	F51815	53.2	58.5
1071	4826122541501	F51816	53.2	58.5
1072	4826122541501	F51817	53.2	58.5
1073	4826122541501	F51818	34.7	39.3
1074	4826122541501	F51819	34.8	39.3
1075	4826122541501	F51820	72	78.9
1076	4826122541501	F51821	47.3	52.6
1077	4826122541501	F51822	43.6	48.3
1078	4826122541501	F51823	57.9	59.2
1079	4826122541501	F51824	48.6	49.5
1080	4826122541501	F51825	57.9	59.2
1081	4826122541501	F51826	48.6	49.6
1082	4826122541501	F51827	47.5	52.8

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
1083	4826122541501	F51828	71.6	79
1084	4826122541501	F51829	32.3	37.1
1085	4826122541501	F51830	52	58.2
1086	4826122541501	F51831	52.9	58.2
1087	4826122541501	F51832	70.6	78.9
1088	4826122541501	F51833	60.8	66.6
1089	4826122541501	F51834	32.3	37
1090	4826122541501	F51901	59.2	64.2
1091	4826122541501	F51902	34.5	39.2
1092	4826122541501	F51903	41.2	45.6
1093	4826122541501	F51903A	34.7	39.2
1094	4826122541501	F51905	60.5	65.6
1095	4826122541501	F51906	46.6	51.7
1096	4826122541501	F51907	62.8	69.1
1097	4826122541501	F51908	50.6	56.6
1098	4826122541501	F51911	104.1	111.6
1099	4826122541501	F51912	90	97.6
1100	4826122541501	F51912A	34.5	39.2
1101	4826122541501	F51912B	52.2	57.3
1102	4826122541501	F51915	53.2	58.5
1103	4826122541501	F51916	53.2	58.5
1104	4826122541501	F51917	53.2	58.5
1105	4826122541501	F51918	34.7	39.3
1106	4826122541501	F51919	34.8	39.3
1107	4826122541501	F51920	72	78.9
1108	4826122541501	F51921	47.3	52.6
1109	4826122541501	F51922	43.6	48.3
1110	4826122541501	F51923	57.9	59.2
1111	4826122541501	F51924	48.6	49.5
1112	4826122541501	F51925	57.9	59.2
1113	4826122541501	F51926	48.6	49.6
1114	4826122541501	F51927	47.5	52.8
1115	4826122541501	F51928	71.6	79
1116	4826122541501	F51929	32.3	37.1

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
1117	4826122541501	F51930	52	58.2
1118	4826122541501	F51931	52.9	58.2
1119	4826122541501	F51932	70.6	78.9
1120	4826122541501	F51933	60.8	66.6
1121	4826122541501	F51934	32.3	37
1122	4826122541501	F52001	46.4	51.1
1123	4826122541501	F52002	45.3	50.5
1124	4826122541501	F52003	79.3	86.4
1125	4826122541501	F52003A	59.6	65.3
1126	4826122541501	F52005	46.6	51.7
1127	4826122541501	F52006	62.8	69.1
1128	4826122541501	F52007	50.6	56.6
1129	4826122541501	F52008	104.1	111.6
1130	4826122541501	F52009	90	97.6
1131	4826122541501	F52010	88.5	97.7
1132	4826122541501	F52011	53.2	58.5
1133	4826122541501	F52012	53.2	58.5
1134	4826122541501	F52012A	53.2	58.5
1135	4826122541501	F52012B	71	78.1
1136	4826122541501	F52015	72.2	78.9
1137	4826122541501	F52016	47.3	52.6
1138	4826122541501	F52017	43.6	48.3
1139	4826122541501	F52018	57.9	59.2
1140	4826122541501	F52019	48.6	49.5
1141	4826122541501	F52020	57.9	59.2
1142	4826122541501	F52021	48.6	49.6
1143	4826122541501	F52022	47.5	52.8
1144	4826122541501	F52023	71.6	79
1145	4826122541501	F52024	86.2	94.1
1146	4826122541501	F52025	52.9	58.2
1147	4826122541501	F52026	70.6	78.9
1148	4826122541501	F52027	95.2	103.7
1149	4826128116201	F20101	94.8	103.1
1150	4826128116201	F20102	57.5	64.2

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
1151	4826128116201	F20103	96.7	103.5
1152	4826128116201	F20103A	65	70.8
1153	4826128116201	F20105	51.2	57.2
1154	4826128116201	F20106	83.1	89.5
1155	4826128116201	F20107	80.8	88.2
1156	4826128116201	F20108	45.8	49.7
1157	4826128116201	F20109	66.3	73.4
1158	4826128116201	F20110	94.4	102.7
1159	4826128116201	F20111	98.6	108.3
1160	4826128116201	F20112	90.4	98.9
1161	4826128116201	F20112A	64.4	70.4
1162	4826128116201	F20112B	48.2	52.4
1163	4826128116201	F20115	81.5	88
1164	4826128116201	F20116	80.7	86.3
1165	4826128116201	F20117	70.2	76.2
1166	4826128116201	F20118	51.6	56.3
1167	4826128116201	F20119	92.4	99.5
1168	4826128116201	F20120	64.8	70.8
1169	4826128116201	F20121	60.3	65.3
1170	4826128116201	F20122	58.4	64.2
1171	4826128116201	F20123	129.7	139.6
1172	4826128116201	F20124	67	71.2
1173	4826128116201	F20125	68.3	73
1174	4826128116201	F20126	84.9	91.8
1175	4826128116201	F20127	50.7	55.5
1176	4826128116201	F20203	59.6	68.2
1177	4826128116201	F20203A	38.3	44.6
1178	4826128116201	F20205	97.5	110.9
1179	4826128116201	F20206	52.6	58.4
1180	4826128116201	F20207	52.6	58.4
1181	4826128116201	F20208	52.6	58.4
1182	4826128116201	F20209	32.9	38.2
1183	4826128116201	F20210	83.2	94.8
1184	4826128116201	F20211	43.1	49.8

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
1185	4826128116201	F20212	65	72.8
1186	4826128116201	F20301	48.5	54.1
1187	4826128116201	F20302	37.9	43.1
1188	4826128116201	F20303	100.7	113.3
1189	4826128116201	F20303A	38.4	44.6
1190	4826128116201	F20305	98.7	110.9
1191	4826128116201	F20306	53	58.4
1192	4826128116201	F20307	53	58.4
1193	4826128116201	F20308	53	58.4
1194	4826128116201	F20309	33.2	38.2
1195	4826128116201	F20310	83.7	94.8
1196	4826128116201	F20311	43.3	49.8
1197	4826128116201	F20312	66.9	74.6
1198	4826128116201	F20312A	87.7	96.2
1199	4826128116201	F20312B	79.2	87.5
1200	4826128116201	F20315	79.2	87.5
1201	4826128116201	F20316	87.7	96.2
1202	4826128116201	F20317	64.3	71.6
1203	4826128116201	F20318	43.3	49.8
1204	4826128116201	F20319	115.5	130.2
1205	4826128116201	F20320	43.5	50
1206	4826128116201	F20321	68.3	76.1
1207	4826128116201	F20322	68.3	76.1
1208	4826128116201	F20323	68.3	76.1
1209	4826128116201	F20324	134.6	151.2
1210	4826128116201	F20325	38.4	44.6
1211	4826128116201	F20326	100.8	113.3
1212	4826128116201	F20327	37.9	43
1213	4826128116201	F20328	48.4	54.1
1214	4826128116201	F20329	77.4	84.7
1215	4826128116201	F20330	123.6	133.6
1216	4826128116201	F20331	123.6	133.6
1217	4826128116201	F20332	77.4	84.7
1218	4826128116201	F203A01	41.8	46.5

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
1219	4826128116201	F203A02	32.6	36.8
1220	4826128116201	F203A03	68.9	77.9
1221	4826128116201	F203A03A	38.4	44.6
1222	4826128116201	F203A05	98.8	110.9
1223	4826128116201	F203A06	53	58.4
1224	4826128116201	F203A07	53	58.4
1225	4826128116201	F203A08	53	58.4
1226	4826128116201	F203A09	33.2	38.2
1227	4826128116201	F203A10	83.7	94.8
1228	4826128116201	F203A11	43.4	49.8
1229	4826128116201	F203A12	66.9	74.6
1230	4826128116201	F203A12A	83.2	91.7
1231	4826128116201	F203A12B	79.2	87.5
1232	4826128116201	F203A15	79.2	87.5
1233	4826128116201	F203A16	83.2	91.7
1234	4826128116201	F203A17	64.3	71.6
1235	4826128116201	F203A18	43.4	49.8
1236	4826128116201	F203A19	115.5	130.2
1237	4826128116201	F203A20	43.5	50
1238	4826128116201	F203A21	63.8	71.6
1239	4826128116201	F203A22	63.8	71.6
1240	4826128116201	F203A23	63.8	71.6
1241	4826128116201	F203A24	134.6	151.2
1242	4826128116201	F203A25	38.4	44.6
1243	4826128116201	F203A26	68.9	77.9
1244	4826128116201	F203A27	32.6	36.8
1245	4826128116201	F203A28	41.8	46.5
1246	4826128116201	F203A29	55.8	61.6
1247	4826128116201	F203A30	60.8	67
1248	4826128116201	F203A31	60.8	67
1249	4826128116201	F203A32	55.8	61.6
1250	4826128116201	F20501	41.8	46.5
1251	4826128116201	F20502	32.6	36.8
1252	4826128116201	F20503	68.9	77.9

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
1253	4826128116201	F20503A	38.4	44.6
1254	4826128116201	F20505	98.7	110.9
1255	4826128116201	F20506	53	58.4
1256	4826128116201	F20507	53	58.4
1257	4826128116201	F20508	53	58.4
1258	4826128116201	F20509	33.2	38.2
1259	4826128116201	F20510	83.7	94.8
1260	4826128116201	F20511	43.4	49.8
1261	4826128116201	F20512	66.6	74.3
1262	4826128116201	F20512A	79.8	87.8
1263	4826128116201	F20512B	79.2	87.5
1264	4826128116201	F20515	79.2	87.5
1265	4826128116201	F20516	79.8	87.8
1266	4826128116201	F20517	64	71.3
1267	4826128116201	F20518	43.4	49.8
1268	4826128116201	F20519	115.5	130.2
1269	4826128116201	F20520	42.7	49.3
1270	4826128116201	F20521	60.4	67.8
1271	4826128116201	F20522	60.4	67.8
1272	4826128116201	F20523	60.4	67.8
1273	4826128116201	F20524	134	150.4
1274	4826128116201	F20525	38.4	44.6
1275	4826128116201	F20526	68.9	77.9
1276	4826128116201	F20527	32.6	36.8
1277	4826128116201	F20528	41.8	46.5
1278	4826128116201	F20529	55.8	61.6
1279	4826128116201	F20530	60.8	67
1280	4826128116201	F20531	60.8	67
1281	4826128116201	F20532	55.8	61.6
1282	4826128116201	F20601	41.8	46.5
1283	4826128116201	F20602	32.6	36.8
1284	4826128116201	F20603	68.9	77.9
1285	4826128116201	F20603A	38.4	44.6
1286	4826128116201	F20605	98.7	110.9

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
1287	4826128116201	F20606	53	58.4
1288	4826128116201	F20607	53	58.4
1289	4826128116201	F20608	53	58.4
1290	4826128116201	F20609	33.2	38.2
1291	4826128116201	F20610	83.7	94.8
1292	4826128116201	F20611	43.4	49.8
1293	4826128116201	F20612	61.7	69.4
1294	4826128116201	F20612A	79.8	87.8
1295	4826128116201	F20612B	79.2	87.5
1296	4826128116201	F20615	79.2	87.5
1297	4826128116201	F20616	79.8	87.8
1298	4826128116201	F20617	59.1	66.4
1299	4826128116201	F20618	43.4	49.8
1300	4826128116201	F20619	114.8	129.5
1301	4826128116201	F20620	38	44.1
1302	4826128116201	F20621	60.4	67.8
1303	4826128116201	F20622	60.4	67.8
1304	4826128116201	F20623	60.4	67.8
1305	4826128116201	F20624	129.5	145.9
1306	4826128116201	F20625	38.4	44.6
1307	4826128116201	F20626	68.9	77.9
1308	4826128116201	F20627	32.6	36.8
1309	4826128116201	F20628	41.8	46.5
1310	4826128116201	F20629	55.8	61.6
1311	4826128116201	F20630	60.8	67
1312	4826128116201	F20631	60.8	67
1313	4826128116201	F20632	55.8	61.6
1314	4826128116201	F20701	41.8	46.5
1315	4826128116201	F20702	32.6	36.8
1316	4826128116201	F20703	69.3	78
1317	4826128116201	F20703A	39.1	44.6
1318	4826128116201	F20705	99.7	110.9
1319	4826128116201	F20706	53	58.4
1320	4826128116201	F20707	53	58.4

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
1321	4826128116201	F20708	53	58.4
1322	4826128116201	F20709	33.2	38.2
1323	4826128116201	F20710	84.4	95.2
1324	4826128116201	F20711	43.3	49.2
1325	4826128116201	F20712	58.5	65.3
1326	4826128116201	F20712A	79.8	87.8
1327	4826128116201	F20712B	79.2	87.5
1328	4826128116201	F20715	79.2	87.5
1329	4826128116201	F20716	79.8	87.8
1330	4826128116201	F20717	55.9	62.3
1331	4826128116201	F20718	43.3	49.2
1332	4826128116201	F20719	111.2	125.1
1333	4826128116201	F20720	38.8	44.5
1334	4826128116201	F20721	60.8	67.8
1335	4826128116201	F20722	60.8	67.8
1336	4826128116201	F20723	60.8	67.8
1337	4826128116201	F20724	126.2	141.6
1338	4826128116201	F20725	39.1	44.6
1339	4826128116201	F20726	69.3	78
1340	4826128116201	F20727	32.6	36.8
1341	4826128116201	F20728	41.8	46.5
1342	4826128116201	F20729	55.8	61.6
1343	4826128116201	F20730	60.8	67
1344	4826128116201	F20731	60.8	67
1345	4826128116201	F20732	55.8	61.6
1346	4826128116201	F20801	41.8	46.5
1347	4826128116201	F20802	32.6	36.8
1348	4826128116201	F20803	58.7	65.4
1349	4826128116201	F20803A	30.1	33.9
1350	4826128116201	F20805	86.3	94.9
1351	4826128116201	F20806	53	58.4
1352	4826128116201	F20807	53	58.4
1353	4826128116201	F20808	53	58.4
1354	4826128116201	F20809	33.2	38.2

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
1355	4826128116201	F20810	63.2	70.5
1356	4826128116201	F20811	30.1	33.9
1357	4826128116201	F20812	50.2	55.3
1358	4826128116201	F20812A	61	67
1359	4826128116201	F20812B	61	67
1360	4826128116201	F20815	61	67
1361	4826128116201	F20816	61	67
1362	4826128116201	F20817	47.5	52.3
1363	4826128116201	F20818	30.1	33.9
1364	4826128116201	F20819	63.4	70.5
1365	4826128116201	F20820	33.2	38.2
1366	4826128116201	F20821	53	58.4
1367	4826128116201	F20822	53	58.4
1368	4826128116201	F20823	53	58.4
1369	4826128116201	F20824	86.3	94.9
1370	4826128116201	F20825	30.1	33.9
1371	4826128116201	F20826	58.7	65.4
1372	4826128116201	F20827	32.6	36.8
1373	4826128116201	F20828	41.8	46.5
1374	4826128116201	F20829	55.8	61.6
1375	4826128116201	F20830	60.8	67
1376	4826128116201	F20831	60.8	67
1377	4826128116201	F20832	55.8	61.6
1378	4826128116201	F20901	41.8	46.5
1379	4826128116201	F20902	32.6	36.8
1380	4826128116201	F20903	58.7	65.4
1381	4826128116201	F20903A	30.1	33.9
1382	4826128116201	F20905	86.3	94.9
1383	4826128116201	F20906	53	58.4
1384	4826128116201	F20907	53	58.4
1385	4826128116201	F20908	53	58.4
1386	4826128116201	F20909	33.2	38.2
1387	4826128116201	F20910	63.2	70.5
1388	4826128116201	F20911	30.1	33.9

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
1389	4826128116201	F20912	50.2	55.3
1390	4826128116201	F20912A	61	67
1391	4826128116201	F20912B	61	67
1392	4826128116201	F20915	61	67
1393	4826128116201	F20916	61	67
1394	4826128116201	F20917	47.5	52.3
1395	4826128116201	F20918	30.1	33.9
1396	4826128116201	F20919	63.4	70.5
1397	4826128116201	F20920	33.2	38.2
1398	4826128116201	F20921	53	58.4
1399	4826128116201	F20922	53	58.4
1400	4826128116201	F20923	53	58.4
1401	4826128116201	F20924	86.3	94.9
1402	4826128116201	F20925	30.1	33.9
1403	4826128116201	F20926	58.7	65.4
1404	4826128116201	F20927	32.6	36.8
1405	4826128116201	F20928	41.8	46.5
1406	4826128116201	F20929	55.8	61.6
1407	4826128116201	F20930	60.8	67
1408	4826128116201	F20931	60.8	67
1409	4826128116201	F20932	55.8	61.6
1410	4826128116201	F21001	41.8	46.5
1411	4826128116201	F21002	32.6	36.8
1412	4826128116201	F21003	58.7	65.4
1413	4826128116201	F21003A	30.1	33.9
1414	4826128116201	F21005	86.3	94.9
1415	4826128116201	F21006	53	58.4
1416	4826128116201	F21007	53	58.4
1417	4826128116201	F21008	53	58.4
1418	4826128116201	F21009	33.2	38.2
1419	4826128116201	F21010	63.2	70.5
1420	4826128116201	F21011	30.1	33.9
1421	4826128116201	F21012	50.2	55.3
1422	4826128116201	F21012A	61	67

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
1423	4826128116201	F21012B	61	67
1424	4826128116201	F21015	61	67
1425	4826128116201	F21016	61	67
1426	4826128116201	F21017	47.5	52.3
1427	4826128116201	F21018	30.1	33.9
1428	4826128116201	F21019	63.4	70.5
1429	4826128116201	F21020	33.2	38.2
1430	4826128116201	F21021	53	58.4
1431	4826128116201	F21022	53	58.4
1432	4826128116201	F21023	53	58.4
1433	4826128116201	F21024	86.3	94.9
1434	4826128116201	F21025	30.1	33.9
1435	4826128116201	F21026	58.7	65.4
1436	4826128116201	F21027	32.6	36.8
1437	4826128116201	F21028	41.8	46.5
1438	4826128116201	F21029	55.8	61.6
1439	4826128116201	F21030	60.8	67
1440	4826128116201	F21031	60.8	67
1441	4826128116201	F21032	55.8	61.6
1442	4826128116201	F21101	41.8	46.5
1443	4826128116201	F21102	32.6	36.8
1444	4826128116201	F21103	58.7	65.4
1445	4826128116201	F21103A	30.1	33.9
1446	4826128116201	F21105	86.3	94.9
1447	4826128116201	F21106	53	58.4
1448	4826128116201	F21107	53	58.4
1449	4826128116201	F21108	53	58.4
1450	4826128116201	F21109	33.2	38.2
1451	4826128116201	F21110	63.2	70.5
1452	4826128116201	F21111	30.1	33.9
1453	4826128116201	F21112	50.2	55.3
1454	4826128116201	F21112A	61	67
1455	4826128116201	F21112B	61	67
1456	4826128116201	F21115	61	67

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
1457	4826128116201	F21116	61	67
1458	4826128116201	F21117	47.5	52.3
1459	4826128116201	F21118	30.1	33.9
1460	4826128116201	F21119	63.4	70.5
1461	4826128116201	F21120	33.2	38.2
1462	4826128116201	F21121	53	58.4
1463	4826128116201	F21122	53	58.4
1464	4826128116201	F21123	53	58.4
1465	4826128116201	F21124	86.3	94.9
1466	4826128116201	F21125	30.1	33.9
1467	4826128116201	F21126	58.7	65.4
1468	4826128116201	F21127	32.6	36.8
1469	4826128116201	F21128	41.8	46.5
1470	4826128116201	F21129	55.8	61.6
1471	4826128116201	F21130	60.8	67
1472	4826128116201	F21131	60.8	67
1473	4826128116201	F21132	55.8	61.6
1474	4826128116201	F21201	41.8	46.5
1475	4826128116201	F21202	32.6	36.8
1476	4826128116201	F21203	58.7	65.4
1477	4826128116201	F21203A	30.1	33.9
1478	4826128116201	F21205	86.3	94.9
1479	4826128116201	F21206	53	58.4
1480	4826128116201	F21207	53	58.4
1481	4826128116201	F21208	53	58.4
1482	4826128116201	F21209	33.2	38.2
1483	4826128116201	F21210	63.2	70.5
1484	4826128116201	F21211	30.1	33.9
1485	4826128116201	F21212	50.2	55.3
1486	4826128116201	F21212A	61	67
1487	4826128116201	F21212B	61	67
1488	4826128116201	F21215	61	67
1489	4826128116201	F21216	61	67
1490	4826128116201	F21217	47.5	52.3

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
1491	4826128116201	F21218	30.1	33.9
1492	4826128116201	F21219	63.4	70.5
1493	4826128116201	F21220	33.2	38.2
1494	4826128116201	F21221	53	58.4
1495	4826128116201	F21222	53	58.4
1496	4826128116201	F21223	53	58.4
1497	4826128116201	F21224	86.3	94.9
1498	4826128116201	F21225	30.1	33.9
1499	4826128116201	F21226	58.7	65.4
1500	4826128116201	F21227	32.6	36.8
1501	4826128116201	F21228	41.8	46.5
1502	4826128116201	F21229	55.8	61.6
1503	4826128116201	F21230	60.8	67
1504	4826128116201	F21231	60.8	67
1505	4826128116201	F21232	55.8	61.6
1506	4826128116201	F212A01	41.8	46.5
1507	4826128116201	F212A02	32.6	36.8
1508	4826128116201	F212A03	58.7	65.4
1509	4826128116201	F212A03A	30.1	33.9
1510	4826128116201	F212A05	86.3	94.9
1511	4826128116201	F212A06	53	58.4
1512	4826128116201	F212A07	53	58.4
1513	4826128116201	F212A08	53	58.4
1514	4826128116201	F212A09	33.2	38.2
1515	4826128116201	F212A10	63.2	70.5
1516	4826128116201	F212A11	30.1	33.9
1517	4826128116201	F212A12	50.2	55.3
1518	4826128116201	F212A12A	61	67
1519	4826128116201	F212A12B	61	67
1520	4826128116201	F212A15	61	67
1521	4826128116201	F212A16	61	67
1522	4826128116201	F212A17	47.5	52.3
1523	4826128116201	F212A18	30.1	33.9
1524	4826128116201	F212A19	63.4	70.5

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
1525	4826128116201	F212A20	33.2	38.2
1526	4826128116201	F212A21	53	58.4
1527	4826128116201	F212A22	53	58.4
1528	4826128116201	F212A23	53	58.4
1529	4826128116201	F212A24	86.3	94.9
1530	4826128116201	F212A25	30.1	33.9
1531	4826128116201	F212A26	58.7	65.4
1532	4826128116201	F212A27	32.6	36.8
1533	4826128116201	F212A28	41.8	46.5
1534	4826128116201	F212A29	55.8	61.6
1535	4826128116201	F212A30	60.8	67
1536	4826128116201	F212A31	60.8	67
1537	4826128116201	F212A32	55.8	61.6
1538	4826128116201	F212B01	41.8	46.5
1539	4826128116201	F212B02	32.6	36.8
1540	4826128116201	F212B03	58.7	65.4
1541	4826128116201	F212B03A	30.1	33.9
1542	4826128116201	F212B05	86.3	94.9
1543	4826128116201	F212B06	53	58.4
1544	4826128116201	F212B07	53	58.4
1545	4826128116201	F212B08	53	58.4
1546	4826128116201	F212B09	33.2	38.2
1547	4826128116201	F212B10	63.2	70.5
1548	4826128116201	F212B11	30.1	33.9
1549	4826128116201	F212B12	50.2	55.3
1550	4826128116201	F212B12A	61	67
1551	4826128116201	F212B12B	61	67
1552	4826128116201	F212B15	61	67
1553	4826128116201	F212B16	61	67
1554	4826128116201	F212B17	47.5	52.3
1555	4826128116201	F212B18	30.1	33.9
1556	4826128116201	F212B19	63.4	70.5
1557	4826128116201	F212B20	33.2	38.2
1558	4826128116201	F212B21	53	58.4

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
1559	4826128116201	F212B22	53	58.4
1560	4826128116201	F212B23	53	58.4
1561	4826128116201	F212B24	86.3	94.9
1562	4826128116201	F212B25	30.1	33.9
1563	4826128116201	F212B26	58.7	65.4
1564	4826128116201	F212B27	32.6	36.8
1565	4826128116201	F212B28	41.8	46.5
1566	4826128116201	F212B29	55.8	61.6
1567	4826128116201	F212B30	60.8	67
1568	4826128116201	F212B31	60.8	67
1569	4826128116201	F212B32	55.8	61.6
1570	4826128116201	F21501	41.8	46.5
1571	4826128116201	F21502	32.6	36.8
1572	4826128116201	F21503	58.7	65.4
1573	4826128116201	F21503A	30.1	33.9
1574	4826128116201	F21505	86.3	94.9
1575	4826128116201	F21506	53	58.4
1576	4826128116201	F21507	53	58.4
1577	4826128116201	F21508	53	58.4
1578	4826128116201	F21509	33.2	38.2
1579	4826128116201	F21510	63.2	70.5
1580	4826128116201	F21511	30.1	33.9
1581	4826128116201	F21512	50.2	55.3
1582	4826128116201	F21512A	61	67
1583	4826128116201	F21512B	61	67
1584	4826128116201	F21515	61	67
1585	4826128116201	F21516	61	67
1586	4826128116201	F21517	47.5	52.3
1587	4826128116201	F21518	30.1	33.9
1588	4826128116201	F21519	63.4	70.5
1589	4826128116201	F21520	33.2	38.2
1590	4826128116201	F21521	53	58.4
1591	4826128116201	F21522	53	58.4
1592	4826128116201	F21523	53	58.4

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
1593	4826128116201	F21524	86.3	94.9
1594	4826128116201	F21525	30.1	33.9
1595	4826128116201	F21526	58.7	65.4
1596	4826128116201	F21527	32.6	36.8
1597	4826128116201	F21528	41.8	46.5
1598	4826128116201	F21529	55.8	61.6
1599	4826128116201	F21530	60.8	67
1600	4826128116201	F21531	60.8	67
1601	4826128116201	F21532	55.8	61.6
1602	4826128116201	F21601	41.8	46.5
1603	4826128116201	F21602	32.6	36.8
1604	4826128116201	F21603	58.7	65.4
1605	4826128116201	F21603A	30.1	33.9
1606	4826128116201	F21605	86.3	94.9
1607	4826128116201	F21606	53	58.4
1608	4826128116201	F21607	53	58.4
1609	4826128116201	F21608	53	58.4
1610	4826128116201	F21609	33.2	38.2
1611	4826128116201	F21610	63.2	70.5
1612	4826128116201	F21611	30.1	33.9
1613	4826128116201	F21612	50.2	55.3
1614	4826128116201	F21612A	61	67
1615	4826128116201	F21612B	61	67
1616	4826128116201	F21615	61	67
1617	4826128116201	F21616	61	67
1618	4826128116201	F21617	47.5	52.3
1619	4826128116201	F21618	30.1	33.9
1620	4826128116201	F21619	63.4	70.5
1621	4826128116201	F21620	33.2	38.2
1622	4826128116201	F21621	53	58.4
1623	4826128116201	F21622	53	58.4
1624	4826128116201	F21623	53	58.4
1625	4826128116201	F21624	86.3	94.9
1626	4826128116201	F21625	30.1	33.9

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
1627	4826128116201	F21626	58.7	65.4
1628	4826128116201	F21627	32.6	36.8
1629	4826128116201	F21628	41.8	46.5
1630	4826128116201	F21629	55.8	61.6
1631	4826128116201	F21630	60.8	67
1632	4826128116201	F21631	60.8	67
1633	4826128116201	F21632	55.8	61.6
1634	4826128116201	F21701	41.8	46.5
1635	4826128116201	F21702	32.6	36.8
1636	4826128116201	F21703	58.7	65.4
1637	4826128116201	F21703A	30.1	33.9
1638	4826128116201	F21705	86.3	94.9
1639	4826128116201	F21706	53	58.4
1640	4826128116201	F21707	53	58.4
1641	4826128116201	F21708	53	58.4
1642	4826128116201	F21709	33.2	38.2
1643	4826128116201	F21710	63.2	70.5
1644	4826128116201	F21711	30.1	33.9
1645	4826128116201	F21712	50.2	55.3
1646	4826128116201	F21712A	61	67
1647	4826128116201	F21712B	61	67
1648	4826128116201	F21715	61	67
1649	4826128116201	F21716	61	67
1650	4826128116201	F21717	47.5	52.3
1651	4826128116201	F21718	30.1	33.9
1652	4826128116201	F21719	63.4	70.5
1653	4826128116201	F21720	33.2	38.2
1654	4826128116201	F21721	53	58.4
1655	4826128116201	F21722	53	58.4
1656	4826128116201	F21723	53	58.4
1657	4826128116201	F21724	86.3	94.9
1658	4826128116201	F21725	30.1	33.9
1659	4826128116201	F21726	58.7	65.4
1660	4826128116201	F21727	32.6	36.8

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
1661	4826128116201	F21728	41.8	46.5
1662	4826128116201	F21729	55.8	61.6
1663	4826128116201	F21730	60.8	67
1664	4826128116201	F21731	60.8	67
1665	4826128116201	F21732	55.8	61.6
1666	4826128116201	F21801	41.8	46.5
1667	4826128116201	F21802	32.6	36.8
1668	4826128116201	F21803	58.7	65.4
1669	4826128116201	F21803A	30.1	33.9
1670	4826128116201	F21805	86.3	94.9
1671	4826128116201	F21806	53	58.4
1672	4826128116201	F21807	53	58.4
1673	4826128116201	F21808	53	58.4
1674	4826128116201	F21809	33.2	38.2
1675	4826128116201	F21810	63.2	70.5
1676	4826128116201	F21811	30.1	33.9
1677	4826128116201	F21812	50.2	55.3
1678	4826128116201	F21812A	61	67
1679	4826128116201	F21812B	61	67
1680	4826128116201	F21815	61	67
1681	4826128116201	F21816	61	67
1682	4826128116201	F21817	47.5	52.3
1683	4826128116201	F21818	30.1	33.9
1684	4826128116201	F21819	63.4	70.5
1685	4826128116201	F21820	33.2	38.2
1686	4826128116201	F21821	53	58.4
1687	4826128116201	F21822	53	58.4
1688	4826128116201	F21823	53	58.4
1689	4826128116201	F21824	86.3	94.9
1690	4826128116201	F21825	30.1	33.9
1691	4826128116201	F21826	58.7	65.4
1692	4826128116201	F21827	32.6	36.8
1693	4826128116201	F21828	41.8	46.5
1694	4826128116201	F21829	55.8	61.6

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
1695	4826128116201	F21830	60.8	67
1696	4826128116201	F21831	60.8	67
1697	4826128116201	F21832	55.8	61.6
1698	4826128116201	F21901	41.8	46.5
1699	4826128116201	F21902	32.6	36.8
1700	4826128116201	F21903	58.7	65.4
1701	4826128116201	F21903A	30.1	33.9
1702	4826128116201	F21905	86.3	94.9
1703	4826128116201	F21906	53	58.4
1704	4826128116201	F21907	53	58.4
1705	4826128116201	F21908	53	58.4
1706	4826128116201	F21909	33.2	38.2
1707	4826128116201	F21910	63.2	70.5
1708	4826128116201	F21911	30.1	33.9
1709	4826128116201	F21912	50.2	55.3
1710	4826128116201	F21912A	61	67
1711	4826128116201	F21912B	61	67
1712	4826128116201	F21915	61	67
1713	4826128116201	F21916	61	67
1714	4826128116201	F21917	47.5	52.3
1715	4826128116201	F21918	30.1	33.9
1716	4826128116201	F21919	63.4	70.5
1717	4826128116201	F21920	33.2	38.2
1718	4826128116201	F21921	53	58.4
1719	4826128116201	F21922	53	58.4
1720	4826128116201	F21923	53	58.4
1721	4826128116201	F21924	86.3	94.9
1722	4826128116201	F21925	30.1	33.9
1723	4826128116201	F21926	58.7	65.4
1724	4826128116201	F21927	32.6	36.8
1725	4826128116201	F21928	41.8	46.5
1726	4826128116201	F21929	55.8	61.6
1727	4826128116201	F21930	60.8	67
1728	4826128116201	F21931	60.8	67

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
1729	4826128116201	F21932	55.8	61.6
1730	4826128116201	F22001	41.8	46.5
1731	4826128116201	F22002	44.8	51.1
1732	4826128116201	F22003	81.4	89
1733	4826128116201	F22003A	86.3	94.9
1734	4826128116201	F22005	53	58.4
1735	4826128116201	F22006	53	58.4
1736	4826128116201	F22007	53	58.4
1737	4826128116201	F22008	100.3	108.4
1738	4826128116201	F22009	81.2	89.2
1739	4826128116201	F22010	61	67
1740	4826128116201	F22011	61	67
1741	4826128116201	F22012	61	67
1742	4826128116201	F22012A	61	67
1743	4826128116201	F22012B	78.7	85.8
1744	4826128116201	F22015	100.3	108.4
1745	4826128116201	F22016	53	58.4
1746	4826128116201	F22017	53	58.4
1747	4826128116201	F22018	53	58.4
1748	4826128116201	F22019	86.3	94.9
1749	4826128116201	F22020	81.3	89
1750	4826128116201	F22021	44.8	51.1
1751	4826128116201	F22022	41.8	46.5
1752	4826128116201	F22023	55.8	61.6
1753	4826128116201	F22024	60.8	67
1754	4826128116201	F22025	60.8	67
1755	4826128116201	F22026	55.8	61.6
1756	4826129322001	F30101	69	75.8
1757	4826129322001	F30102	69.4	76.2
1758	4826129322001	F30103	68.7	75.3
1759	4826129322001	F30103A	57.1	62.3
1760	4826129322001	F30105	55.2	59.4
1761	4826129322001	F30106	72.6	78.4
1762	4826129322001	F30107	105.4	112.5

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
1763	4826129322001	F30108	66.9	72.1
1764	4826129322001	F30109	75.2	82.9
1765	4826129322001	F30110	113.8	121
1766	4826129322001	F30111	105	111.7
1767	4826129322001	F30112	45.1	50.2
1768	4826129322001	F30112A	36.7	41.9
1769	4826129322001	F30112B	58.5	63.7
1770	4826129322001	F30115	42.8	47.4
1771	4826129322001	F30116	63.2	67.6
1772	4826129322001	F30117	53.3	57.6
1773	4826129322001	F30118	92.4	99.9
1774	4826129322001	F30119	67.4	72.4
1775	4826129322001	F30120	61.9	66.2
1776	4826129322001	F30121	98.8	104.8
1777	4826129322001	F30122	130.7	138.5
1778	4826129322001	F30123	163.1	173.2
1779	4826129322001	F30124	94.7	102.2
1780	4826129322001	F30125	40	43.8
1781	4826129322001	F30126	55.4	60.3
1782	4826129322001	F30127	101.3	110.5
1783	4826129322001	F30128	68.9	75.8
1784	4826129322001	F30206	69.2	75.6
1785	4826129322001	F30207	64	70.8
1786	4826129322001	F30208	134.1	144.8
1787	4826129322001	F30209	45.9	51.2
1788	4826129322001	F30210	45.7	51.2
1789	4826129322001	F30211	70	76.5
1790	4826129322001	F30212	61.5	67.8
1791	4826129322001	F30212A	70	76.5
1792	4826129322001	F30212B	69.4	75.6
1793	4826129322001	F30215	44.9	51.2
1794	4826129322001	F30216	115.1	126.2
1795	4826129322001	F30217	32	36.6
1796	4826129322001	F30218	53.2	59

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
1797	4826129322001	F30219	135.4	147.3
1798	4826129322001	F30301	64.8	71
1799	4826129322001	F30302	70.4	76.3
1800	4826129322001	F30303	62	67.8
1801	4826129322001	F30303A	70.4	76.3
1802	4826129322001	F30305	70.7	76.8
1803	4826129322001	F30306	69.7	75.6
1804	4826129322001	F30307	64.6	70.8
1805	4826129322001	F30308	135.3	144.8
1806	4826129322001	F30309	46.1	51.2
1807	4826129322001	F30310	46	51.2
1808	4826129322001	F30311	70.5	76.5
1809	4826129322001	F30312	62	67.8
1810	4826129322001	F30312A	70.5	76.5
1811	4826129322001	F30312B	69.7	75.6
1812	4826129322001	F30315	45.7	51.2
1813	4826129322001	F30316	116.6	126.2
1814	4826129322001	F30317	32.2	36.6
1815	4826129322001	F30318	53.6	59
1816	4826129322001	F30319	151.7	163.1
1817	4826129322001	F30320	83.6	91.7
1818	4826129322001	F30321	97.8	105.4
1819	4826129322001	F30322	55.4	61.7
1820	4826129322001	F30323	69.6	76.5
1821	4826129322001	F30324	55.6	61.9
1822	4826129322001	F30325	61.5	67.6
1823	4826129322001	F30326	61.2	67.6
1824	4826129322001	F30327	74.1	81
1825	4826129322001	F30328	38.2	44.2
1826	4826129322001	F30329	117.2	126.3
1827	4826129322001	F30330	101.9	111.8
1828	4826129322001	F30331	52.9	58.2
1829	4826129322001	F30332	52	58.2
1830	4826129322001	F30333	32.3	37.1

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
1831	4826129322001	F30334	103	111.5
1832	4826129322001	F303A01	64.8	71
1833	4826129322001	F303A02	65.6	71.6
1834	4826129322001	F303A03	62	67.8
1835	4826129322001	F303A03A	65.6	71.6
1836	4826129322001	F303A05	70.7	76.8
1837	4826129322001	F303A06	69.7	75.6
1838	4826129322001	F303A07	64.6	70.8
1839	4826129322001	F303A08	135.3	144.8
1840	4826129322001	F303A09	46.1	51.2
1841	4826129322001	F303A10	46	51.2
1842	4826129322001	F303A11	65.7	71.6
1843	4826129322001	F303A12	62	67.8
1844	4826129322001	F303A12A	65.6	71.6
1845	4826129322001	F303A12B	69.7	75.6
1846	4826129322001	F303A15	45.7	51.2
1847	4826129322001	F303A16	116.6	126.2
1848	4826129322001	F303A17	32.2	36.6
1849	4826129322001	F303A18	53.6	59
1850	4826129322001	F303A19	124.2	134.1
1851	4826129322001	F303A20	55.6	61.9
1852	4826129322001	F303A21	58.1	63.6
1853	4826129322001	F303A22	50.7	56
1854	4826129322001	F303A23	54.9	60.1
1855	4826129322001	F303A24	34.7	39.2
1856	4826129322001	F303A25	34.8	39.2
1857	4826129322001	F303A26	34.5	39.2
1858	4826129322001	F303A27	52.1	57.1
1859	4826129322001	F303A28	32.3	37
1860	4826129322001	F303A29	86.4	93.5
1861	4826129322001	F303A30	101.9	111.5
1862	4826129322001	F303A31	52.9	58.2
1863	4826129322001	F303A32	52	58.2
1864	4826129322001	F303A33	32.3	37.1

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
1865	4826129322001	F303A34	103	111.5
1866	4826129322001	F30501	64.5	70.5
1867	4826129322001	F30502	62	67.8
1868	4826129322001	F30503	62	67.8
1869	4826129322001	F30503A	62	67.8
1870	4826129322001	F30505	70.4	76.3
1871	4826129322001	F30506	69.7	75.6
1872	4826129322001	F30507	64.6	70.8
1873	4826129322001	F30508	135.3	144.8
1874	4826129322001	F30509	46.1	51.2
1875	4826129322001	F30510	45.7	50.7
1876	4826129322001	F30511	62	67.8
1877	4826129322001	F30512	62	67.8
1878	4826129322001	F30512A	62	67.8
1879	4826129322001	F30512B	69.4	75.1
1880	4826129322001	F30515	45.7	51.2
1881	4826129322001	F30516	116.6	126.2
1882	4826129322001	F30517	32.2	36.6
1883	4826129322001	F30518	53.6	59
1884	4826129322001	F30519	124.2	134.1
1885	4826129322001	F30520	55.6	61.9
1886	4826129322001	F30521	58.1	63.6
1887	4826129322001	F30522	50.7	56
1888	4826129322001	F30523	54.9	60.1
1889	4826129322001	F30524	34.7	39.2
1890	4826129322001	F30525	34.8	39.2
1891	4826129322001	F30526	34.5	39.2
1892	4826129322001	F30527	52.1	57.1
1893	4826129322001	F30528	32.3	37
1894	4826129322001	F30529	86.4	93.5
1895	4826129322001	F30530	101.9	111.5
1896	4826129322001	F30531	52.9	58.2
1897	4826129322001	F30532	52	58.2
1898	4826129322001	F30533	32.3	37.1

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
1899	4826129322001	F30534	103	111.5
1900	4826129322001	F30601	59.8	65.8
1901	4826129322001	F30602	62	67.8
1902	4826129322001	F30603	62	67.8
1903	4826129322001	F30603A	62	67.8
1904	4826129322001	F30605	65.7	71.6
1905	4826129322001	F30606	69.7	75.6
1906	4826129322001	F30607	64.6	70.8
1907	4826129322001	F30608	135.3	144.8
1908	4826129322001	F30609	46.1	51.1
1909	4826129322001	F30610	41	46
1910	4826129322001	F30611	62	67.8
1911	4826129322001	F30612	62	67.8
1912	4826129322001	F30612A	62	67.8
1913	4826129322001	F30612B	64.7	70.4
1914	4826129322001	F30615	45.7	51.2
1915	4826129322001	F30616	116.6	126.2
1916	4826129322001	F30617	32.2	36.6
1917	4826129322001	F30618	53.6	59
1918	4826129322001	F30619	124.2	134.1
1919	4826129322001	F30620	55.6	61.9
1920	4826129322001	F30621	58.1	63.6
1921	4826129322001	F30622	50.7	56
1922	4826129322001	F30623	54.9	60.1
1923	4826129322001	F30624	34.7	39.2
1924	4826129322001	F30625	34.8	39.2
1925	4826129322001	F30626	34.5	39.2
1926	4826129322001	F30627	52.1	57.1
1927	4826129322001	F30628	32.3	37
1928	4826129322001	F30629	86.4	93.5
1929	4826129322001	F30630	101.9	111.5
1930	4826129322001	F30631	52.9	58.2
1931	4826129322001	F30632	52	58.2
1932	4826129322001	F30633	32.3	37.1

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
1933	4826129322001	F30634	103	111.5
1934	4826129322001	F30701	56.1	62.2
1935	4826129322001	F30702	62.3	67.8
1936	4826129322001	F30703	62.3	67.8
1937	4826129322001	F30703A	62.3	67.8
1938	4826129322001	F30705	62.3	67.7
1939	4826129322001	F30706	69.2	75.1
1940	4826129322001	F30707	64.3	70.8
1941	4826129322001	F30708	135.6	144.3
1942	4826129322001	F30709	39.8	44.6
1943	4826129322001	F30710	40.9	45.8
1944	4826129322001	F30711	61.8	67.8
1945	4826129322001	F30712	61.8	67.8
1946	4826129322001	F30712A	61.8	67.8
1947	4826129322001	F30712B	60.8	66.6
1948	4826129322001	F30715	45.5	50.7
1949	4826129322001	F30716	116.8	126.2
1950	4826129322001	F30717	32.2	36.6
1951	4826129322001	F30718	53.6	59
1952	4826129322001	F30719	124.8	134.1
1953	4826129322001	F30720	55.6	61.9
1954	4826129322001	F30721	58.1	63.6
1955	4826129322001	F30722	50.7	56
1956	4826129322001	F30723	54.9	60.1
1957	4826129322001	F30724	34.7	39.2
1958	4826129322001	F30725	34.8	39.2
1959	4826129322001	F30726	34.5	39.2
1960	4826129322001	F30727	52.1	57.1
1961	4826129322001	F30728	32.3	37
1962	4826129322001	F30729	86.6	93.5
1963	4826129322001	F30730	102.6	111.5
1964	4826129322001	F30731	52.9	58.2
1965	4826129322001	F30732	52	58.2
1966	4826129322001	F30733	32.3	37.1

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
1967	4826129322001	F30734	102.8	110.9
1968	4826129322001	F30801	47.5	52.8
1969	4826129322001	F30802	48.6	53.2
1970	4826129322001	F30803	48.6	53.1
1971	4826129322001	F30803A	48.6	53.1
1972	4826129322001	F30805	48.6	53.1
1973	4826129322001	F30806	47.1	51.9
1974	4826129322001	F30807	47.3	52.6
1975	4826129322001	F30808	72.2	78.9
1976	4826129322001	F30809	34.8	39.3
1977	4826129322001	F30810	34.7	39.3
1978	4826129322001	F30811	53.2	58.5
1979	4826129322001	F30812	53.2	58.5
1980	4826129322001	F30812A	53.2	58.5
1981	4826129322001	F30812B	52.2	57.3
1982	4826129322001	F30815	34.5	39.2
1983	4826129322001	F30816	90	97.6
1984	4826129322001	F30817	32.2	36.6
1985	4826129322001	F30818	53.6	59
1986	4826129322001	F30819	90.9	99.1
1987	4826129322001	F30820	55.6	61.9
1988	4826129322001	F30821	58.1	63.6
1989	4826129322001	F30822	50.7	56
1990	4826129322001	F30823	54.9	60.1
1991	4826129322001	F30824	34.7	39.2
1992	4826129322001	F30825	34.8	39.2
1993	4826129322001	F30826	34.5	39.2
1994	4826129322001	F30827	52.1	57.1
1995	4826129322001	F30828	32.3	37
1996	4826129322001	F30829	60.8	66.6
1997	4826129322001	F30830	71.1	78.9
1998	4826129322001	F30831	52.9	58.2
1999	4826129322001	F30832	52	58.2
2000	4826129322001	F30833	32.3	37.1

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
2001	4826129322001	F30834	71.7	79
2002	4826129322001	F30901	47.5	52.8
2003	4826129322001	F30902	48.6	53.2
2004	4826129322001	F30903	48.6	53.1
2005	4826129322001	F30903A	48.6	53.1
2006	4826129322001	F30905	48.6	53.1
2007	4826129322001	F30906	47.1	51.9
2008	4826129322001	F30907	47.3	52.6
2009	4826129322001	F30908	72.2	78.9
2010	4826129322001	F30909	34.8	39.3
2011	4826129322001	F30910	34.7	39.3
2012	4826129322001	F30911	53.2	58.5
2013	4826129322001	F30912	53.2	58.5
2014	4826129322001	F30912A	53.2	58.5
2015	4826129322001	F30912B	52.2	57.3
2016	4826129322001	F30915	34.5	39.2
2017	4826129322001	F30916	90	97.6
2018	4826129322001	F30917	32.2	36.6
2019	4826129322001	F30918	53.6	59
2020	4826129322001	F30919	90.9	99.1
2021	4826129322001	F30920	55.6	61.9
2022	4826129322001	F30921	58.1	63.6
2023	4826129322001	F30922	50.7	56
2024	4826129322001	F30923	54.9	60.1
2025	4826129322001	F30924	34.7	39.2
2026	4826129322001	F30925	34.8	39.2
2027	4826129322001	F30926	34.5	39.2
2028	4826129322001	F30927	52.1	57.1
2029	4826129322001	F30928	32.3	37
2030	4826129322001	F30929	60.8	66.6
2031	4826129322001	F30930	71.1	78.9
2032	4826129322001	F30931	52.9	58.2
2033	4826129322001	F30932	52	58.2
2034	4826129322001	F30933	32.3	37.1

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
2035	4826129322001	F30934	71.7	79
2036	4826129322001	F31001	47.5	52.8
2037	4826129322001	F31002	48.6	53.2
2038	4826129322001	F31003	48.6	53.1
2039	4826129322001	F31003A	48.6	53.1
2040	4826129322001	F31005	48.6	53.1
2041	4826129322001	F31006	47.1	51.9
2042	4826129322001	F31007	47.3	52.6
2043	4826129322001	F31008	72.2	78.9
2044	4826129322001	F31009	34.8	39.3
2045	4826129322001	F31010	34.7	39.3
2046	4826129322001	F31011	53.2	58.5
2047	4826129322001	F31012	53.2	58.5
2048	4826129322001	F31012A	53.2	58.5
2049	4826129322001	F31012B	52.2	57.3
2050	4826129322001	F31015	34.5	39.2
2051	4826129322001	F31016	90	97.6
2052	4826129322001	F31017	32.2	36.6
2053	4826129322001	F31018	53.6	59
2054	4826129322001	F31019	90.9	99.1
2055	4826129322001	F31020	55.6	61.9
2056	4826129322001	F31021	58.1	63.6
2057	4826129322001	F31022	50.7	56
2058	4826129322001	F31023	54.9	60.1
2059	4826129322001	F31024	34.7	39.2
2060	4826129322001	F31025	34.8	39.2
2061	4826129322001	F31026	34.5	39.2
2062	4826129322001	F31027	52.1	57.1
2063	4826129322001	F31028	32.3	37
2064	4826129322001	F31029	60.8	66.6
2065	4826129322001	F31030	71.1	78.9
2066	4826129322001	F31031	52.9	58.2
2067	4826129322001	F31032	52	58.2
2068	4826129322001	F31033	32.3	37.1

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
2069	4826129322001	F31034	71.7	79
2070	4826129322001	F31101	47.5	52.8
2071	4826129322001	F31102	48.6	53.2
2072	4826129322001	F31103	48.6	53.1
2073	4826129322001	F31103A	48.6	53.1
2074	4826129322001	F31105	48.6	53.1
2075	4826129322001	F31106	47.1	51.9
2076	4826129322001	F31107	47.3	52.6
2077	4826129322001	F31108	72.2	78.9
2078	4826129322001	F31109	34.8	39.3
2079	4826129322001	F31110	34.7	39.3
2080	4826129322001	F31111	53.2	58.5
2081	4826129322001	F31112	53.2	58.5
2082	4826129322001	F31112A	53.2	58.5
2083	4826129322001	F31112B	52.2	57.3
2084	4826129322001	F31115	34.5	39.2
2085	4826129322001	F31116	90	97.6
2086	4826129322001	F31117	32.2	36.6
2087	4826129322001	F31118	53.6	59
2088	4826129322001	F31119	90.9	99.1
2089	4826129322001	F31120	55.6	61.9
2090	4826129322001	F31121	58.1	63.6
2091	4826129322001	F31122	50.7	56
2092	4826129322001	F31123	54.9	60.1
2093	4826129322001	F31124	34.7	39.2
2094	4826129322001	F31125	34.8	39.2
2095	4826129322001	F31126	34.5	39.2
2096	4826129322001	F31127	52.1	57.1
2097	4826129322001	F31128	32.3	37
2098	4826129322001	F31129	60.8	66.6
2099	4826129322001	F31130	71.1	78.9
2100	4826129322001	F31131	52.9	58.2
2101	4826129322001	F31132	52	58.2
2102	4826129322001	F31133	32.3	37.1

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
2103	4826129322001	F31134	71.7	79
2104	4826129322001	F31201	47.5	52.8
2105	4826129322001	F31202	48.6	53.2
2106	4826129322001	F31203	48.6	53.1
2107	4826129322001	F31203A	48.6	53.1
2108	4826129322001	F31205	48.6	53.1
2109	4826129322001	F31206	47.1	51.9
2110	4826129322001	F31207	47.3	52.6
2111	4826129322001	F31208	72.2	78.9
2112	4826129322001	F31209	34.8	39.3
2113	4826129322001	F31210	34.7	39.3
2114	4826129322001	F31211	53.2	58.5
2115	4826129322001	F31212	53.2	58.5
2116	4826129322001	F31212A	53.2	58.5
2117	4826129322001	F31212B	52.2	57.3
2118	4826129322001	F31215	34.5	39.2
2119	4826129322001	F31216	90	97.6
2120	4826129322001	F31217	32.2	36.6
2121	4826129322001	F31218	53.6	59
2122	4826129322001	F31219	90.9	99.1
2123	4826129322001	F31220	55.6	61.9
2124	4826129322001	F31221	58.1	63.6
2125	4826129322001	F31222	50.7	56
2126	4826129322001	F31223	54.9	60.1
2127	4826129322001	F31224	34.7	39.2
2128	4826129322001	F31225	34.8	39.2
2129	4826129322001	F31226	34.5	39.2
2130	4826129322001	F31227	52.1	57.1
2131	4826129322001	F31228	32.3	37
2132	4826129322001	F31229	60.8	66.6
2133	4826129322001	F31230	71.1	78.9
2134	4826129322001	F31231	52.9	58.2
2135	4826129322001	F31232	52	58.2
2136	4826129322001	F31233	32.3	37.1

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
2137	4826129322001	F31234	71.7	79
2138	4826129322001	F312A01	47.5	52.8
2139	4826129322001	F312A02	48.6	53.2
2140	4826129322001	F312A03	48.6	53.1
2141	4826129322001	F312A03A	48.6	53.1
2142	4826129322001	F312A05	48.6	53.1
2143	4826129322001	F312A06	47.1	51.9
2144	4826129322001	F312A07	47.3	52.6
2145	4826129322001	F312A08	72.2	78.9
2146	4826129322001	F312A09	34.8	39.3
2147	4826129322001	F312A10	34.7	39.3
2148	4826129322001	F312A11	53.2	58.5
2149	4826129322001	F312A12	53.2	58.5
2150	4826129322001	F312A12A	53.2	58.5
2151	4826129322001	F312A12B	52.2	57.3
2152	4826129322001	F312A15	34.5	39.2
2153	4826129322001	F312A16	90	97.6
2154	4826129322001	F312A17	32.2	36.6
2155	4826129322001	F312A18	53.6	59
2156	4826129322001	F312A19	90.9	99.1
2157	4826129322001	F312A20	55.6	61.9
2158	4826129322001	F312A21	58.1	63.6
2159	4826129322001	F312A22	50.7	56
2160	4826129322001	F312A23	54.9	60.1
2161	4826129322001	F312A24	34.7	39.2
2162	4826129322001	F312A25	34.8	39.2
2163	4826129322001	F312A26	34.5	39.2
2164	4826129322001	F312A27	52.1	57.1
2165	4826129322001	F312A28	32.3	37
2166	4826129322001	F312A29	60.8	66.6
2167	4826129322001	F312A30	71.1	78.9
2168	4826129322001	F312A31	52.9	58.2
2169	4826129322001	F312A32	52	58.2
2170	4826129322001	F312A33	32.3	37.1

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
2171	4826129322001	F312A34	71.7	79
2172	4826129322001	F312B01	47.5	52.8
2173	4826129322001	F312B02	48.6	53.2
2174	4826129322001	F312B03	48.6	53.1
2175	4826129322001	F312B03A	48.6	53.1
2176	4826129322001	F312B05	48.6	53.1
2177	4826129322001	F312B06	47.1	51.9
2178	4826129322001	F312B07	47.3	52.6
2179	4826129322001	F312B08	72.2	78.9
2180	4826129322001	F312B09	34.8	39.3
2181	4826129322001	F312B10	34.7	39.3
2182	4826129322001	F312B11	53.2	58.5
2183	4826129322001	F312B12	53.2	58.5
2184	4826129322001	F312B12A	53.2	58.5
2185	4826129322001	F312B12B	52.2	57.3
2186	4826129322001	F312B15	34.5	39.2
2187	4826129322001	F312B16	90	97.6
2188	4826129322001	F312B17	32.2	36.6
2189	4826129322001	F312B18	53.6	59
2190	4826129322001	F312B19	90.9	99.1
2191	4826129322001	F312B20	55.6	61.9
2192	4826129322001	F312B21	58.1	63.6
2193	4826129322001	F312B22	50.7	56
2194	4826129322001	F312B23	54.9	60.1
2195	4826129322001	F312B24	34.7	39.2
2196	4826129322001	F312B25	34.8	39.2
2197	4826129322001	F312B26	34.5	39.2
2198	4826129322001	F312B27	52.1	57.1
2199	4826129322001	F312B28	32.3	37
2200	4826129322001	F312B29	60.8	66.6
2201	4826129322001	F312B30	71.1	78.9
2202	4826129322001	F312B31	52.9	58.2
2203	4826129322001	F312B32	52	58.2
2204	4826129322001	F312B33	32.3	37.1

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
2205	4826129322001	F312B34	71.7	79
2206	4826129322001	F31501	47.5	52.8
2207	4826129322001	F31502	48.6	53.2
2208	4826129322001	F31503	48.6	53.1
2209	4826129322001	F31503A	48.6	53.1
2210	4826129322001	F31505	48.6	53.1
2211	4826129322001	F31506	47.1	51.9
2212	4826129322001	F31507	47.3	52.6
2213	4826129322001	F31508	72.2	78.9
2214	4826129322001	F31509	34.8	39.3
2215	4826129322001	F31510	34.7	39.3
2216	4826129322001	F31511	53.2	58.5
2217	4826129322001	F31512	53.2	58.5
2218	4826129322001	F31512A	53.2	58.5
2219	4826129322001	F31512B	52.2	57.3
2220	4826129322001	F31515	34.5	39.2
2221	4826129322001	F31516	90	97.6
2222	4826129322001	F31517	32.2	36.6
2223	4826129322001	F31518	53.6	59
2224	4826129322001	F31519	90.9	99.1
2225	4826129322001	F31520	55.6	61.9
2226	4826129322001	F31521	58.1	63.6
2227	4826129322001	F31522	50.7	56
2228	4826129322001	F31523	54.9	60.1
2229	4826129322001	F31524	34.7	39.2
2230	4826129322001	F31525	34.8	39.2
2231	4826129322001	F31526	34.5	39.2
2232	4826129322001	F31527	52.1	57.1
2233	4826129322001	F31528	32.3	37
2234	4826129322001	F31529	60.8	66.6
2235	4826129322001	F31530	71.1	78.9
2236	4826129322001	F31531	52.9	58.2
2237	4826129322001	F31532	52	58.2
2238	4826129322001	F31533	32.3	37.1

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
2239	4826129322001	F31534	71.7	79
2240	4826129322001	F31601	47.5	52.8
2241	4826129322001	F31602	48.6	53.2
2242	4826129322001	F31603	48.6	53.1
2243	4826129322001	F31603A	48.6	53.1
2244	4826129322001	F31605	48.6	53.1
2245	4826129322001	F31606	47.1	51.9
2246	4826129322001	F31607	47.3	52.6
2247	4826129322001	F31608	72.2	78.9
2248	4826129322001	F31609	34.8	39.3
2249	4826129322001	F31610	34.7	39.3
2250	4826129322001	F31611	53.2	58.5
2251	4826129322001	F31612	53.2	58.5
2252	4826129322001	F31612A	53.2	58.5
2253	4826129322001	F31612B	52.2	57.3
2254	4826129322001	F31615	34.5	39.2
2255	4826129322001	F31616	90	97.6
2256	4826129322001	F31617	209	219.2
2257	4826129322001	F31620	55.6	61.8
2258	4826129322001	F31621	58.1	63.6
2259	4826129322001	F31622	50.7	56
2260	4826129322001	F31623	54.9	60.1
2261	4826129322001	F31624	34.7	39.2
2262	4826129322001	F31625	34.8	39.2
2263	4826129322001	F31626	34.5	39.2
2264	4826129322001	F31627	52.1	57.1
2265	4826129322001	F31628	32.3	37
2266	4826129322001	F31629	60.8	66.6
2267	4826129322001	F31630	71.1	78.9
2268	4826129322001	F31631	52.9	58.2
2269	4826129322001	F31632	52	58.2
2270	4826129322001	F31633	32.3	37.1
2271	4826129322001	F31634	71.7	79
2272	4826129322001	F31701	47.5	52.8

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
2273	4826129322001	F31702	48.6	53.2
2274	4826129322001	F31703	48.6	53.1
2275	4826129322001	F31703A	48.6	53.1
2276	4826129322001	F31705	48.6	53.1
2277	4826129322001	F31706	47.1	51.9
2278	4826129322001	F31707	47.3	52.6
2279	4826129322001	F31708	72.2	78.9
2280	4826129322001	F31709	34.8	39.3
2281	4826129322001	F31710	34.7	39.3
2282	4826129322001	F31711	53.2	58.5
2283	4826129322001	F31712	53.2	58.5
2284	4826129322001	F31712A	53.2	58.5
2285	4826129322001	F31712B	52.2	57.3
2286	4826129322001	F31715	34.5	39.2
2287	4826129322001	F31716	90	97.6
2288	4826129322001	F31717	103.7	111.8
2289	4826129322001	F31720	55.6	61.8
2290	4826129322001	F31721	58.1	63.6
2291	4826129322001	F31722	50.7	56
2292	4826129322001	F31723	54.9	60.1
2293	4826129322001	F31724	34.7	39.2
2294	4826129322001	F31725	34.8	39.2
2295	4826129322001	F31726	34.5	39.2
2296	4826129322001	F31727	52.1	57.1
2297	4826129322001	F31728	32.3	37
2298	4826129322001	F31729	60.8	66.6
2299	4826129322001	F31730	71.1	78.9
2300	4826129322001	F31731	52.9	58.2
2301	4826129322001	F31732	52	58.2
2302	4826129322001	F31733	32.3	37.1
2303	4826129322001	F31734	71.7	79
2304	4826129322001	F31801	47.5	52.8
2305	4826129322001	F31802	48.6	53.2
2306	4826129322001	F31803	48.6	53.1

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
2307	4826129322001	F31803A	48.6	53.1
2308	4826129322001	F31805	48.6	53.1
2309	4826129322001	F31806	47.1	51.9
2310	4826129322001	F31807	47.3	52.6
2311	4826129322001	F31808	72.2	78.9
2312	4826129322001	F31809	34.8	39.3
2313	4826129322001	F31810	34.7	39.3
2314	4826129322001	F31811	53.2	58.5
2315	4826129322001	F31812	53.2	58.5
2316	4826129322001	F31812A	53.2	58.5
2317	4826129322001	F31812B	52.2	57.3
2318	4826129322001	F31815	34.5	39.2
2319	4826129322001	F31816	90	97.6
2320	4826129322001	F31817	103.7	111.8
2321	4826129322001	F31820	55.6	61.8
2322	4826129322001	F31821	58.1	63.6
2323	4826129322001	F31822	50.7	56
2324	4826129322001	F31823	54.9	60.1
2325	4826129322001	F31824	34.7	39.2
2326	4826129322001	F31825	34.8	39.2
2327	4826129322001	F31826	34.5	39.2
2328	4826129322001	F31827	52.1	57.1
2329	4826129322001	F31828	32.3	37
2330	4826129322001	F31829	60.8	66.6
2331	4826129322001	F31830	71.1	78.9
2332	4826129322001	F31831	52.9	58.2
2333	4826129322001	F31832	52	58.2
2334	4826129322001	F31833	32.3	37.1
2335	4826129322001	F31834	71.7	79
2336	4826129322001	F31901	47.5	52.8
2337	4826129322001	F31902	48.6	53.2
2338	4826129322001	F31903	48.6	53.1
2339	4826129322001	F31903A	48.6	53.1
2340	4826129322001	F31905	48.6	53.1

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
2341	4826129322001	F31906	47.1	51.9
2342	4826129322001	F31907	47.3	52.6
2343	4826129322001	F31908	72.2	78.9
2344	4826129322001	F31909	34.8	39.3
2345	4826129322001	F31910	34.7	39.3
2346	4826129322001	F31911	53.2	58.5
2347	4826129322001	F31912	53.2	58.5
2348	4826129322001	F31912A	53.2	58.5
2349	4826129322001	F31912B	52.2	57.3
2350	4826129322001	F31915	34.5	39.2
2351	4826129322001	F31916	90	97.6
2352	4826129322001	F31917	103.7	111.8
2353	4826129322001	F31920	55.6	61.8
2354	4826129322001	F31921	58.1	63.6
2355	4826129322001	F31922	50.7	56
2356	4826129322001	F31923	54.9	60.1
2357	4826129322001	F31924	34.7	39.2
2358	4826129322001	F31925	34.8	39.2
2359	4826129322001	F31926	34.5	39.2
2360	4826129322001	F31927	52.1	57.1
2361	4826129322001	F31928	32.3	37
2362	4826129322001	F31929	60.8	66.6
2363	4826129322001	F31930	71.1	78.9
2364	4826129322001	F31931	52.9	58.2
2365	4826129322001	F31932	52	58.2
2366	4826129322001	F31933	32.3	37.1
2367	4826129322001	F31934	71.7	79
2368	4826129322001	F32001	47.5	52.8
2369	4826129322001	F32002	48.6	53.2
2370	4826129322001	F32003	48.6	53.1
2371	4826129322001	F32003A	48.6	53.1
2372	4826129322001	F32005	48.6	53.1
2373	4826129322001	F32006	47.1	51.9
2374	4826129322001	F32007	47.3	52.6

STT	Mã công trình	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)
2375	4826129322001	F32008	72.2	78.9
2376	4826129322001	F32009	70.8	78.1
2377	4826129322001	F32010	53.3	58.5
2378	4826129322001	F32011	53.3	58.5
2379	4826129322001	F32012	53.3	58.5
2380	4826129322001	F32012A	88.7	97.7
2381	4826129322001	F32012B	90	97.6
2382	4826129322001	F32015	103.7	111.8
2383	4826129322001	F32016	55.7	61.8
2384	4826129322001	F32017	58.1	63.6
2385	4826129322001	F32018	50.7	56
2386	4826129322001	F32019	54.7	60.6
2387	4826129322001	F32020	71.4	78.1
2388	4826129322001	F32021	45.3	50.5
2389	4826129322001	F32022	41	45.7
2390	4826129322001	F32023	95.4	103.7
2391	4826129322001	F32024	71.1	78.9
2392	4826129322001	F32025	52.8	58.2
2393	4826129322001	F32026	86.5	94.1
2394	4826129322001	F32027	71.7	79

*** Ghi chú:** Danh sách thông tin về nhà ở hình thành trong tương lai nêu trên được trích xuất từ Hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản trên cơ sở hồ sơ do chủ đầu tư kê khai, nộp khi thực hiện thủ tục hành chính. Các thông tin chi tiết trong danh sách do chủ đầu tư kê khai và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực theo quy định của pháp luật./.